TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Xóa bỏ hai tiếng « mày, tao » giữa giới trí-thức ngày nay — *Phạm-mạnh-Phan*
* Vở kịch bà Trưng — *Ứng-Hòe*
* Tra nghĩa chữ nho (XXV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Muốn khảo về tư tưởng học-thuyết Mặc-Địch, phải căn cứ vào đâu ? — *Hoa-Bằng*
* Ai phổi yếu muốn tắm nắng ? — *Bác sĩ Lê-văn-Ngôn*
* Nam-đàn bát châu (XII) — *Nguyễn-đôn-Phục*
* Đọc bản dịch « Kim Vân Kiều » — *Nguyệt Hằng*
* Xem diễn kịch « Đồng bịnh » và « Vân muội » — *Cây Thông*
* Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên-môn (IV) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Kênh đào Suez và kênh đào Panama (Thời đàm) — *Nhật-Nham*
* Tài - liệu để đính chính những bài văn cổ (LII) — *Ứng-Hòe*
* Vần thơ tiếng ta (II) — *Đỗ-Thúc*
* Hà-nội — Viêntiane trong hai giờ (I) — *Vũ-Nhật*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, IV) — *Nguyễn-Huy-Tưởng*

Năm thứ hai — **Số 77**
Thứ năm, 24 Décembre 1942

0 $ 20

MỘT ĐỀ NGHỊ TRONG SỰ XƯNG HÔ

Xóa bỏ hai tiếng "MÀY, TAO" giữa hàng trí-thức nước nhà

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRẢI mấy nghìn năm, dân-tộc Việt-Nam này đã từng hấp thụ nền văn-hóa Trung-hoa và đã chịu ảnh-hưởng một cách sâu xa của nước con Trời.

Phác kể ra đây những ảnh-hưởng ấy là một việc thừa vì độc-giả ai còn không rõ rằng từ cách sinh-hoạt hằng ngày tới các tín-ngưỡng và phong tục, các tiên tổ chúng ta phần nhiều đều phỏng theo họ mà trên lịch sử nhiều phen tiền nhân chúng ta phải ngậm ngùi khi khuất phục !

Học chữ Hán, viết chữ Hán và nhiều khi các cụ chúng ta trong những câu chuyện tỏa giữa người đồng chủng, cũng nói chuyện và xưng hô bằng chữ Hán.

***

Đến nay, sự tình cờ trên lịch sử cho chúng ta làm quen với nền văn minh Âu, Mỹ.

Xưa kia các tiền nhân chúng ta kính phục, say mê văn hóa Trung-hoa bao nhiêu thì ngày nay chúng ta lại say-sưa, mến phục và nhiều khi nhắm mắt theo liều cái văn hóa Âu tây bấy nhiêu.

Trên con đường lầm lội của thời-gian, chiếc xe đồ hãy còn ghi dấu-vết, nên người Nam chúng ta trải bao thế kỷ vẫn tỏ ra là người của muôn thủa, ưa bắt chước, thích theo trào-lưu của một thời mà ít khi để tâm tới việc tự mình gây lấy cho mình, bất cứ về phương-diện nào, một tính cách hoàn toàn Nam-việt.

Trong trường xã-giao, mỗi khi hai người gặp mặt, nếu không dùng tiếng ngoại quốc để tỏ ra mình là hạng người có tân học (!) thì cũng dùng một thứ tiếng « *lai* »: hết « vu, vu » lại « toa, moa » một cách nực cười lố bịch !

Đi xa hơn nữa, một hạng người trong hàng trí-thức muốn tỏ tình thân mật với nhau, liền dùng một cách trắng-trợn hai chữ « mày, tao » như những phường vô giáo-dục giữa mặt mọi người mà không chút sượng sùng e-lệ.

Họ gọi nhau bằng « mày, tao » để tỏ ra họ là hạng người văn-minh có học, biết theo cách xưng-hô của người ngoại-quốc mà đem « nhập cảng » vào xã hội Việt-nam cách xưng-hô mới ấy.

Vốn sẵn có cái óc đớn hèn, chỉ phỏng theo một cách mù quáng của người nên họ đã tỏ ra rằng chính họ không hiểu chữ « *tu* », một nhân-xưng đại-danh-từ (pronom personnel) của văn Pháp.

Chữ « *tu* » của người Pháp dùng không những trong tình bè-bạn để tỏ tình thân-mật, mà còn để dùng cả người dưới với người trên trong một vài trường-hợp.

Một người dùng tiếng Pháp nói với bạn, hoặc viết thơ cho bố, mẹ không dùng chữ « *tu* » mà lại dùng chữ « *vous* », người ấy tỏ ra rằng mình chưa rõ văn Pháp.

Nếu nay một bạn trẻ vin vào đó mà khi nói với người trên dịch nguyên văn thì, tôi tưởng, bạn đó đang tội hỗn xược tới cực điểm.

***

Thường ngày chúng ta vẫn thấy một số thanh-niên tân-học gọi nhau bằng « mày, tao » với một vẻ rất tự-nhiên trước công-chúng.

Họ không hằng để ý tới sự ngạc-nhiên của người quanh họ trước những ngôn-ngữ ấy.

Giữa đám đông người, ngoài phố, trên xe điện, những người học-thức ấy an nói như thế thì khác nào hạng người vô học !

Một số thiếu nữ thơ ngây miệng còn hơi sữa, bập-bẹ vài câu tiếng Pháp, an vận theo lối tân-thời đã tự phụ tưởng mình là *gái mới*.

Với một dúm chữ ở trong đầu, họ dương dương tự đắc, nói nang cử chỉ ngông nghênh một cách chướng tai ngứa mắt !

Độc giả hãy đọc những câu này mà chúng tôi thuật nguyên văn thường khi nghe thấy thốt ra tự miệng một số nữ học-sinh ở các trường :

— Mày đi đâu đấy ! Tao vừa gặp *bà via* mày nhăn nhó về việc *kép* định *lơn* mày ! Trong thơ nó « xổ » ra để « lòe » mày bao nhiêu là những chữ a-mua, a miếc !

— Thôi « con » lạy mày đi ! Mày đừng bịp tao, « ông » thì đọc rõ trong đầu óc mày rồi !

Nếu thi-sĩ Tản-Đà còn sống tới ngày nay thì, trước những ngôn ngữ cử-chỉ ấy của hạng người có học mà mất dạy, chắc thế nào cũng phải ngao ngán nhẽ mà ngâm lại hai câu thơ đầy vẻ ưu thời mẫn thế :

Chẳng riêng gì một số thanh niên nam nữ mới nhớn lên, trong tim còn chứa đầy những tình cảm trong-trắng mới có những ngôn-ngữ ấy.

Một điều ngạc-nhiên hơn hết là một số người trong xã-hội trên đầu thường đã điểm màu sương tuyết với chùm râu bạc chấy dài trên ngực, mà cũng xưng « mày, tao » với nhau!

Đứng trước một ông già khúm núm, một người hét:

— « Mày mang giấy đi đâu? Đưa tao xem! »

— « Mày ở đâu, làng nào, cứ về, tao sẽ gọi! »

Trong các gia-đình, trước đàn con trẻ thơ ngây, chúng ta vẫn thường thấy một số người đứng tuổi gọi nhau bằng « mày, tao »

Họ không rõ những con cái họ vốn trẻ dại hay bắt chước, sẽ theo gương họ mà hỗn xược với người chung quanh.

Hơn nữa ở học-đường, chúng được hấp thụ những bài luân-lý về lễ-phép mà, trái lại, ở nhà, chúng lại được chính những người thân yêu của chúng dạy chúng một bài luân-lý thực hành khác hẳn.

Thật là một sự mâu thuẫn!

***

Hai chữ « mày, tao » quả là bất nhã trong hàng trí thức.

Trong kinh Thánh của đạo đang bành-trướng ở đây, khi dịch lời bề trên phán nhủ các con chiên, người ta cũng đã không dùng đến hai chữ « mày, tao » nữa.

Đọc sử, chúng ta ai không biết bà Marie Antoinette, một nữ chiến sĩ của Pháp quốc trong thời xưa. Khi bị đem hành hình, lúc bước lên đoạn đầu đài, bà vô ý vấp phải chân người sẽ chặt đầu bà, bà liền thốt ra một câu đáng kính:

— « Xin lỗi ông đao phủ » (Pardon, Monsieur le bourreau).

Một câu đó nói ra trong giây phút nghiêm-trọng cuối cùng của đời bà, đáng được mọi người mến phục cái giáo-dục gia-đình hoàn toàn mà bà đã hấp thụ trong những ngày niên thiếu.

Trong ngạn ngữ Pháp có câu: « Anh chơi với ai, hãy nói tôi hay, tôi sẽ bảo anh là hạng người nào » (Dis-moi, qui tu hantes, je te dirai qui tu es).

Nên mỗi khi chúng ta xưng hô « mày, tao » bất cứ với ai, theo câu trên, chúng ta cũng có thể đánh giá cái giá-trị luân-lý của người ấy.

Chúng tôi đề-nghị: từ nay trong hàng tri-thức, hai tiếng « mày, tao » nên bỏ hẳn cả trong khi viết thư cũng như trong khi nói chuyện.

Trong tình bè-bạn, chúng ta có thể gọi nhau bằng « anh, chị » hay « bác ».

Hơn nữa, nếu muốn tỏ tình thân mật, chúng ta gọi thẳng tên người bạn hãy tự xưng tên mình với người mình nói chuyện. Nghe nó tao-nhã và lễ-độ biết bao.

Chúng ta hãy bỏ những ngôn ngữ cử chỉ thô-tục, suồng-sã có thể là những tấm gương phản-chiếu tâm-hồn chúng ta cho mọi người hay.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Thống Chế Pétain đã nói:

« Luật thứ nhất của lòng yêu nước là giữ gìn mối thống nhất cho quốc gia. Nếu ai cũng đòi theo ý riêng về nghĩa-vụ yêu nước, thì chẳng làm gì có quê hương, có quốc gia, chỉ còn có những đảng phái làm mồi cho sự tranh hùng ích kỷ. Làng người đã li tán, tự nhiên chỉ gây ra nội loạn, xã-tắc phân chia, huynh đệ bất hòa ».

ĐỂ VƯỢT NHỮNG NỖI KHÓ-KHĂN,
ĐỂ CHỨNG NHỮNG SỰ NỖ LỰC,
ĐỂ GÓP CHÚT TÀI-LIỆU VÀO KHO VĂN-HÓA,
ĐỂ TỎ TÌNH CẢM ƠN CÁC BẠN ĐỌC YÊU MẾN TRI-TÂN.

Số Xuân TRI-TÂN 1943 (QUÍ MÙI)

Sẽ cố làm vừa ý các bạn từ hình-thức đến tinh-thần,
Sẽ là một món quà không thể thiếu được trong các gia-đình thanh-tao phong-nhã,
Sẽ là một ích-hữu của mỗi cá-nhân trong tiết tân-xuân vui, hòa, đầm ấm...

VỞ KỊCH BÀ TRƯNG

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

LẤY lịch-sử nước nhà đem ra diễn kịch là một việc rất đích-đáng, nên làm. Trước là để nhắc lại những trường oanh-oanh liệt-liệt của các bậc anh-hùng vĩ-đại đời xưa, sau là để cho những người xem kịch nhớ đến công-đức của các bậc tiền-bối, đã hi-sinh bao nhiêu tâm-can trí-não mới gây dựng được non sông gấm vóc như bây giờ.

Tối chủ-nhật vừa rồi, là ngày 13 tháng chạp Tây, ở rạp Tố-như Hà-thành, « ban hát thanh-niên » có diễn một vở kịch đề là *Trưng-vương khởi nghĩa*. Trong tờ quảng-cáo nói là của cô Kim-Chung soạn vở, ông Sỹ-Tiến dàn cảnh ; và trích một đoạn trong *Nam-sử diễn-ca* (1) và chua một câu rằng: « Sử chép hai Bà chống nhau với Mã-Viện ở Lãng-bạc : theo chỗ khảo-cứu của các giáo-sư Trường Bác-cổ Viễn-đông thì Lãng-bạc là vùng đồi ở Tiên-du, Bắc-ninh, bây giờ, chớ không phải ở vùng Tây-hồ. » Cứ đan-cử một câu ấy cũng đủ biết rằng người soạn vở này đã chịu khó sưu-tầm, tốn công kê-cứu lắm mới được.

Thực thế : vở kịch soạn ra rất hợp với những điều đã chép trong sử, khiến cho ai nấy cũng hồi-hộp trong lòng, bàng-hoàng phảng-phất như sinh vào thời bấy giờ, được mắt thấy tai nghe, nhân nhớ đến bài thơ của cụ nghè Tự-tháp đề đền hai Bà rằng :

Trâm-thoa nhất chịch, sự cung đao !
Quốc xỉ, gia thù, thệ bất phao.
Kỳ-khí thiên thu nan tỷ muội.
Nghĩa-thanh chung cổ xướng anh-hùng.
Hồng-bàng thống-kỷ ê thùy trước,
Đồng-trụ huân-danh giác thục cao ?
Thế-cục kỷ hồi hồn thị mộng,
Hùng-phong do phất Hát-giang đào.

Bài này chép trong tập *Thăng-long hoài-cổ* của cụ tiến-sĩ Võ-Phan, người làng Tự-tháp, huyện Thọ-xương soạn ra, cụ tiến-sĩ Nguyễn-văn-Lý, người làng Đông-tác, điểm duyệt. Nay xin tạm dịch như sau : « Ném vứt trâm thoa, theo việc cung đao, Xỉ nước, thù nhà, thề chẳng bỏ quên. Có chí-khí lạ thường, nghìn thu khó được hai chị em như Bà. Khởi lên tiếng nghĩa, hai Bà làm nêu, xướng trước cho những kẻ anh-hùng sau này. Dòng-dõi họ Hồng-bàng, nếu không có Bà, thì nhờ vào ai ? Công-danh của Mã-Viện với cột đồng, đã chác đàng nào cao ? Cuộc đời mấy lúc, y như mộng. Ngọn gió dữ còn nổi sóng ở trên sông Hát-giang. »

Muốn sinh-hoạt, muốn trường-cửu, một dân một nước phải biết thờ những bậc anh-hùng đời xưa. Sách nho đã có câu : « Hữu công ư dân, tắc tự chi, » nghĩa là có công với dân, thì dân thờ cúng. Nhưng đã thờ cúng, sao lại đem ra diễn kịch ? Sách lại có câu : « Nhạc, dĩ tượng công, » nghĩa là đặt ra nhạc để hình-tượng công-nghiệp : chính hợp với ý nghĩa vở *Trưng-vương khởi nghĩa*.

Nghề kịch của ta, xem ra đã tiến bộ lắm. Vẫn hay người ngoại-quốc thường chê rằng còn nhiều chỗ khuyết-điểm, như những lời đối-đáp hơi dài, điệu-bộ các vai trò thiếu về hoạt-động, cảnh-trí thiếu mùi lịch-sử, v, v. Nhưng tôi thiết-tưởng không nên trách vội, vì dân ta còn nghèo. Một vở kịch như vở Trưng-vương, soạn được như thế và diễn được như thế, rất là đáng khen : cộng chúng đến xem đông nghìn-nghịt, cũng đủ biết là hoan-nghênh lắm.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

(1) Đoạn Nam sử diễn-ca có câu : « Hồ Tây đua sức vẫy-vùng, Nữ-nhi chống với anh hùng được nao ? » xét ra hơi vụng, không nên chép cho học trò học thuộc lòng. Vì câu trên, tuy đã tả cảnh hai Bà đánh nhau với Mã-Viện, nhưng trong truyện có một người đàn ông và hai người đàn bà, mà viết chữ « đua sức vẫy vùng » thì thật là bất nhã, mà ta là người Đại-Nam, lại đem mấy chữ ấy nói hai Bà, thì thật là khiêm-trang. Còn câu dưới đem chữ « nữ-nhi » nói hai Bà, chữ « anh hùng » chỉ Mã Viện, cũng lại không lịch sự nữa : ta đối với hai Bà thì phải dùng chữ « anh thư », « nữ hào kiệt », « nữ anh hùng » mới phải.

CẢI CHÍNH

T. T. số 75 trang 8 : Nhà in Quang-Hoa xuất-bản xin đọc là nhà xuất-bản Nguyễn-Du xuất-bản,

TRA NGHĨA CHỮ NHO

SỐ 25

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XIV. — *CHỮ PH (bài nối)*

Quyển *Từ-nguyên* cắt nghĩa chữ *phần* là loài cây du trắng. *Hán-thư* có câu: « Cao-tổ đảo phong phần-du xã », nghĩa là vua Cao-tổ tế ở làng Phong là nơi phần du, tức là lăng vua Cao-tổ nhà Hán: « vi Cao-tổ chi lý-xã giả ». Nay gọi chỗ quê-hương là phần-du. Chữ *tử* cũng là tên cây, dùng để chỉ nơi mình sinh ra. *Tử-lý* là quê-hương: « hương-lý giả », Kinh Thi có câu: « Duy tang dữ tử, tất cung kính chỉ », nghĩa là duy cây tang và cây tử, phải nên cung-kính: vì cây của cha mẹ giồng thì phải cung kính, người sau nhân đó gọi chữ tang-tử là quê-hương, Chữ *phần-tử* cũng nghĩa ấy, nhưng không thấy chép trong *Từ-nguyên*. Trong *Kiều*, có câu: « Đoái thương muôn dặm tử-phần. Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa ».

Phỉ là nói xấu, « phi nghị giả ». Sách *Sử-ký* có câu: « Phỉ-báng giả tộc », nghĩa là người gièm chê bị tội cả họ. *Báng* cũng là chê cười, nói xấu, « hủy giả, ác, giả ». *Từ-nguyên* chủa rằng: vạch những điều xấu của người ta gọi là báng, « xích nhân chi ác viết báng ».

Ở trang 203 quyển *Tầm nguyên từ điển* của ông Lê văn Hoè, dưới chữ *phiền-phức*, nên chua rằng; chữ *phiền* thường viết chữ hoả bằng chữ hiệt, nghĩa là bận rộn, cũng có nghĩa là nhiều, như chữ phiền *mẫn* trên *mịch* dưới. Chữ *phức* thường viết chữ y bằng chữ phục, nghĩa là nhiều việc, « sự vật chi trùng điệp ». Ông Lê văn Hoè viết chữ phức *xa* bằng nửa chữ *phúc* chữ ấy đọc là *phúc*, chứ không đọc là *phức*, và nghĩa là tay hoa xe.

Phiệt-duyệt là chép công-trạng vào một cái bảng để treo ở cửa: ở cửa bên tả gọi là phiệt, ở cửa bên hữu gọi là duyệt. Đời sau nhân gọi những nhà cự-thất là phiệt-duyệt,

Từ-nguyên chép đời Hán đặt chức qnan phụ-mã đô-úy, để coi ngựa xe phụ, ngựa đóng vào xe đi theo đứng thiên-tử (phó-xa). Đời Ngụy, đời Tấn về san, hễ ai lấy công-chúa, thì được chức phụ-mã đô-úy. Người đời nhân thế gọi con rể vua là phò-mã. Quyển *Lê-triều quan-chế*, sách của Bác-cổ số A 51 quyển 1, tờ 11 b, có chép phụ-mã đô-úy ở nước ta coi ngang tước bá, chánh nhất phẩm.

Theo quyển *Từ-nguyên*, đấng vương-giả lấy tước và đất cho người ta, gọi là *phong-kiến*. Đời Tam đại (Hạ, Thương. Chu) đều có, đến đời Chu (122-255 trước kỷ-nguyên) thì phép đã đủ: tước thì có năm bậc: công, hầu,, bá, tử. nam; đất thì có 100 dặm cho công, hầu, 70 dặm cho tước bá, 50 dặm cho tử, nam. Đến đời Xuân-thu và Chiến-quốc, nước mạnh lấn nước yếu, bên nhiều cướp của bên ít, thôn-tính lẫn nhau, đứng thiên-tử không thể kiềm-chế nổi. Đến đời Tần (221-209 trước kỷ-nguyên) cướp được cả sáu nước, bèn bỏ phép ấy. Ở Âu-châu, từ thế-kỷ thứ chín đến hết đời trung-cổ, cũng có chế-độ phong-kiến, chữ Pháp gọi là féodalité.

Về chữ *phu-nhân*, bộ *Từ-Nguyên* cắt năm nghĩa như sau: 1, vợ vua chư-hầu gọi là phu-nhan. Kinh Lễ có chép: « Thiên-tử chi phi viết hậu, chư-hầu viết phu-nhân », nghĩa là vợ đứng thiên-tử gọi là hậu, vợ vua chư hầu gọi là phu-nhân. Trịnh-Huyền cắt nghĩa: phụ là phù (giúp), « phù thành nhân-quân chi đức », giúp nên đức chính vị nhân-quân.— 2, thiếp của đứng thiên-tử cũng gọi là phu-nhân, Kinh Lễ có chép: « Thiên-tử hữu hậu, hữu phu-nhân », đứng thiên-tử có hậu, có phu-nhân,— 3, phu-nhân là tên phong của đàn-bà, « phụ-nhân phong hiệu », *Hán-thư* chép: « Vợ các tước hầu gọi là phu-nhân; tước hầu chết, con lại làm tước hầu, thì gọi là thái-phu-nhân ». Xét đời Hán, vợ tước hầu và mẹ tước hầu mà gọi là phu-nhân và thái-phu-nhân, là noi theo phép đời Tam-đại. Từ đời Hán về sau, các quan to (hiển quan) nhiều người được phong tước, thì vợ theo tước chồng gọi là phu-nhân. Đời Đường, mẹ hoặc vợ các quan nhất phẩm về văn, võ và chức quốc-công, thì gọi là quốc-phu-nhân; mẹ hoặc vợ từ tam phẩm trở lên gọi là quận phu-nhân. Trong niên-hiệu Chính-hòa (1111-1115) đời Tống, đổi lệ phong, chức quan cầm quyền chính trở lên phong phu-nhân, « chấp chính dĩ thượng phong phu-nhân ». Đời Minh, đời Thanh noi theo: nhất, nhị phẩm đều phong tặng phu-nhân.— 4, phu-nhân là tên gọi vợ cả, « chính-thê chi xưng » ,— 5, tiếng tôn xưng người đàn bà, « phu-nhân chi tôn xưng ».

Ở nước ta, quan-chế đời Hồng-đức (1470-1497), có sáu bậc được gọi là phu-nhân: 1, quốc-thái phu-

(xem tiếp trang 11)

TRIẾT-NHÂN ĐÔNG-PHƯƠNG : MẶC-TƯ

Muốn khảo-cứu tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch, phải căn cứ vào đâu ?

HOÀ-BẰNG

Muốn rõ tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch, phải khảo ở bộ *Mặc-tử*, cũng như muốn biết tư-tưởng học-thuyết của Khổng, Mạnh, phải tìm ở *Luận-ngữ* và *Mạnh-tử*.

Bộ *Mạc-tử* có bao nhiêu thiên, bao nhiêu quyển ?

Theo *Hán thư nghệ-văn chí* thì có 71 thiên.

Tùy thư kinh-tịch chí nói có 15 quyển và một quyển mục-lục.

Ý-lâm của Mã-Tổng nói có 16 quyển.

Còn từ *Đường thư kinh tịch chí*, *Tân Đường thư nghệ-văn chí*, *Tống sử nghệ-văn chí*, Trịnh Tiều *Thông-chí nghệ văn lược* đến Mã Đoan Lâm *Văn hiến thông khảo*, *kinh tịch chí* và Vương Ứng-Lân *Ngọc hải thư mục v. v.* đều chép *Mặc-tử* có 15 quyển.

Đến nay, số quyển thì còn như *Tùy thư kinh tịch chí* đã chép, số thiên thì chỉ có 53, vì đã thất-lạc mất 18 thiên rồi. Mà tựu trung có 3 thiên lại là giả-mạo, quyết không phải là lời nói của Mặc-gia. Thế là chỉ còn vẻn-vẹn có 50 thiên thôi.

Ba thiên giả-mạo ấy là *Thân-sĩ*, *Tu-thân* và *Sở-nhiễm*.

Trong việc khảo-cứu Mặc-tử ngày nay, chúng ta cần phải thận trọng trong phép thẩm định sử liệu. Nếu ta không biết phê-phán lựa-chọn tài-liệu thì đối-tượng nghiên-cứu sẽ sai-lạc hết. Một họa-sĩ muốn vẽ chân dung cô chị, không thể mượn cô em làm người mẫu. Một thợ nề xây nhà không thể dùng viên bột làm gạch xây.

Ngót một trăm năm nay, về mặt sử học, Âu-tây sở dĩ tấn tới một cách mau-chóng, một cớ lớn là vì người ta biết cẩn-thận chặt-chẽ trong phương-pháp thẩm-định sử-liệu. Một khi đã phê-phán sử-liệu, biết rõ cái thật, cái giả, rồi lựa lấy cái thật, gạt bỏ cái giả, bây giờ mới bắt tay biên tập, họa may mới khỏi lầm vàng với thau, lẫn ngọc trai với mắt cá.

Về phương-pháp thẩm-định sử liệu, Hồ Thích đã tỏ rõ trong *Trung quốc triệt học sử đại cương* quyển trên (1), trang 19 — 32. Đại ý nói :

Muốn thẩm-định sử-liệu là thật hay giả, cần phải có chứng-cứ. Chứng cứ ấy đại khái chia làm năm thứ :

1·) *Sử sự* — Sử-sự trong sách có ăn hợp với niên-đại của người làm sách hay không. Nếu không ăn hợp với nhau, thì tức có thể chứng rằng sách kia hoặc một thiên kia là giả-mạo.

2·) *Văn-tự* — Mỗi thời-đại có riêng văn-tự của một thời-đại, không đến nỗi dùng lẫn lung-tung cả đâu. Những người làm sách giả-mạo phần nhiều không hiểu lẽ ấy (hoặc không để ý nhận kỹ), nên thường thường thò ra dấu vết làm giả-mạo.

3·) *Văn-thể* — Chẳng những văn-tự có thể làm chứng, mà cả lối văn cũng có thể làm chứng nữa. Vì mỗi thời-đại có riêng lối văn của một thời-đại, mỗi cá-nhân có riêng lối văn của một cá-nhân.

4·) *Tư tưởng* — Phàm những người làm sách lập thành cái thuyết một nhà, thì tư-tưởng học-thuyết của họ vẫn có một hệ thống có thể dò tìm được, quyết không đến nỗi có những chỗ mâu-thuẫn xung-đột nhau quá. Cho nên xem một bộ sách, thấy học thuyết trong ấy có liên-lạc quán-thông hay không thì cũng có thể phán đoán rằng sách ấy là thật hay giả. Sự tiến-hóa của tư-tưởng thường có thứ-tự nhất định. Mỗi thời-đại có từng vấn-đề của một thời-đại, thì thời-đại nào tức có tư-tưởng của thời-đại ấy, nên có thể khảo chứng sách cổ bằng cách xét ở tư-tưởng được.

5·) *Bàng chứng* — Ngoài bốn cái nội chứng — sử-sự, văn-tự, văn-thể và tư-tưởng — nói trên đều là những chứng-cứ kiếm ra từ trong bản thư, lại còn một chứng-cứ nữa là do sách khác mà tìm ra : đó là *bàng chứng*.

Sự trọng yếu của bàng-chứng có khi lại ngang với nội-chứng. Xem như nhiều nhà triết-học-sử tây-phương khảo định về trước-tác của Platon : phàm là sách mà trong sách của Aristote, đệ-tử Platon, đã xưng dẫn ra, họ đều nhận chân là sách của Platon cả.

Dựa vào phương-pháp ấy, ta có thể ứng dụng trong việc phê-phán và lựa chọn tài-liệu, khi khảo về tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch.

Trong sách *Mặc-tử* do Tất-Nguyên đời Thanh chú-giải có chua rõ ở dưới thiên *Sở nhiễm* đệ tam rằng: « Lã-thị *Xuân thu* hữu *Đương-nhiễm* (2) thiên, văn lược đồng », nghĩa là sách *Xuân-thu* của họ Lã có thiên *Đương-nhiễm*, lời văn cũng ná ná giống thiên *Sở nhiễm* này (*Tinh hiệu Mặc-tử*, quyển I, tờ 1 b; Thượng-hải Quảng-ích thư-cục ấn hành).

Thế là Tất-Nguyên đã hé một tia sáng cho đời sau biết sách cổ của Tàu có sự xô-bồ trộn lộn, râu ông, cằm bà, rất dễ làm cho người học lầm lẫn như thế.

Rồi Hồ-Thích nói ở *Trung-quốc triết-học sử đại cương*, quyển trên, trang 151: Ba thiên *Thân-sĩ*, Tu-thân và Sở nhiễm tuyệt không có giọng nói của nhà Mặc một chút xíu nào, đều là những thiên giả mạo của người sau (3).

Rồi Lương Khải Siêu nói trong cuốn Mặc tử học án, (4) trang 13: Ba thiên ấy (*Thân sĩ*, *Tu thân*, *Sở nhiễm*) tuyền là giả-mạo, chứ không phải là lời của nhà Mặc. Đừng nên đọc.

Vậy ta nay, sau khi thẩm-tra lại ba thiên *Thân sĩ*, *Tu thân* và *Sở nhiễm*, thấy quả đúng như những lời mấy nhà học giả trên đây đã nêu trước cho ta rồi, ta cần phải coi chúng là những thiên giả mạo của người sau, không ăn nhập gì với tư-tưởng học-thuyết Mặc Địch thì quyết không thể dùng chúng làm đối-tượng nghiên cứu được. Không nên nông nổi thấy thiên *Thân sĩ* và thiên *Tu thân* không có ba chữ « tử Mặc-tử » mà cho là chính do Mặc Địch làm ra, còn thiên *Sở nhiễm* có ba chữ ấy (tử Mặc-tử) thì cho là do môn-nhân Mặc-Địch ghi chép những lời được nghe từ thày đã dạy.

« Trừ bỏ » mất ba thiên (*Thân sĩ*, *Tu-thân*, *Sở-nhiễm*) rồi, còn 50 thiên, ta có thể dùng làm tài-liệu để nghiên cứu về tư-tưởng học-thuyết của Mặc-Địch.

Nay dựa theo Lương Khải Siêu, thử chia loại và giải-thích sơ qua 50 thiên ấy:

a) Từ *Pháp nghi* đến *Tam biện* gồm 4 thiên (5) là nhà Mặc ghi-chép những điều cốt-yếu về Mặc-học, do đó có thể biết được cương lĩnh của đạo Mặc.

b) Từ *Thượng-hiền thượng* đến *Phi mệnh hạ* gồm 23 thiên (6) là cương to mục lớn của Mặc-học, là cái « lõi » của sách *Mặc-tử*. Trong những thiên này đều có mấy chữ « tử Mặc-tử », có thể chứng tỏ là do đệ tử của Mặc ghi-chép, chứ không phải chính Mặc-tử tự chép. Mỗi thiên lại chia làm thượng, trung, hạ: vẫn nghĩa đại đồng tiểu dị. Đó vì nhà Mặc chia làm ba phái, mỗi phái ghi riêng những điều mình đã nghe được.

c) Thiên *Phi nho hạ* (7) không có mấy chữ « tử Mặc tử viết », không phải là ghi lời của *Mặc-tử*.

d) Từ thiên *Kinh thượng* đến thiên *Tiểu-thủ* gồm 6 thiên (8), quá nửa là giảng về luận-lý học. *Kinh thượng* và Kinh hạ chắc là do Mặc-tử tự chép. *Kinh thuyết thượng* và *hạ* chắc là thuật lại những lời từ miệng Mặc-tử nói ra, nhưng tựu trung có chỗ hậu học bổ thêm vào. *Đại thủ* và *Tiểu thủ* là do hậu học chép ra.

đ) Từ *Canh trụ* đến *Công thâu* gồm 5 thiên (9) là chép lời nói và việc làm của Mặc-tử, thể tài rất giống lối sách *Luận ngữ*.

e) Từ thiên *Bị thành môn* đến *Tạp thủ* gồm 11 thiên (10) là chuyên nói về binh pháp: cách giữ ra sao, cách chống ra sao.

Sau khi đã xét sơ nội dung 50 thiên trong Mặc tử theo loại đã chia đó, ta phải nhận kỹ những thiên nào là trọng yếu, rồi dùng nó làm chìa khóa mà mở cửa đạo Mặc, họa may mới ngỏ được chân tướng của Mặc tử trong muôn một chăng. Nếu bị mờ ám bởi ảo-cảnh là những thiên giả tạo hoặc những chỗ xuyên tạc của người sau, thì quyết không tránh khỏi cái nạn « khóc đông mối » hoặc « ăn bánh vẽ » như lắm người đã lầm.

HỒ A-BẰNG

1) Thương-vụ ấn thư quán in lần thứ 15 hồi tháng hai năm Trung-hoa Dân-quốc thứ 19.

2) Trong bộ **Mặc tử** *thạch-bản của Quảng ích thư-cục bên Thượng-hải in là « Phủ nhiễm thiên. »*

3) Hồ-Thích chẳng những cho ba thiên Thân-sĩ, Tu-thân và Sở-nhiễm này là giả mạo, mà lại cho cả bốn thiên Pháp-nghi, Thất-hoạn, Từ-quả và Tam-biện là ngụy-tạo, nên Hồ nói rằng bốn thiên này là do những kẻ chỉ căn cứ vào lời bàn luận thừa thãi của nhà Mặc mà làm ra. Song tôi đồng ý với Lương Khải Siêu, chỉ nhận ba thiên trên là giả mạo.

4) Triết nhân truyện ký tùng thư của Cộng-học xã do Thương vụ ấn quán in lần thứ năm hồi tháng hai, năm Trung hoa Dân quốc 18.

5) Pháp nghi, Thất hoạn, Từ quả, Tam biện.

6) Thượng hiền thượng, trung, hạ; Thượng đồng thượng, trung, hạ; Kiêm ái thượng, trung, hạ; Phi-công thượng, trung, hạ: Tiết-dụng thượng, trung (thiếu hạ); Tiết tảng hạ (thiếu thượng và trung); Thiên chi thượng, trung, hạ; Minh quỉ hạ (thiếu thượng và trung); Phi nhạc-thượng (thiếu trung và hạ); Phi mệnh thượng, trung, hạ.

7) Thiếu Phi nho thượng.

8) Kinh thượng, Kinh hạ, Kinh thuyết thượng, Kinh thuyết hạ, Đại thủ, Tiểu thủ.

9) Canh trụ, Quý nghĩa, Công-mạnh, Lỗ vấn, Công thâu.

10) Bị thành môn, Bị cao lâm, Bị thế, Bị thủy Bị đột, Bị huyệt, Bị nga phụ, Nghinh địch từ, Kỳ xí, Hiệu lệnh, Tạp thủ:

Y-HỌC THƯỜNG THỨC

AI PHỔI YẾU MUỐN TẮM NẮNG ?

Của Bác-Sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Trong tất cả bông hoa, chỉ có loài « hoa người » là cần đến mặt trời hơn hết.
De toutes les fleurs, c'est la fleur humaine qui a la plus besoin de soleil.
MICHELET

NẾU muốn cho người phổi yếu càng mau mạnh và người mạnh càng khoe thêm, không những họ phải thở khí trời trong sạch, tắm khí trời thích-đáng, an uống cho đầy đủ . . . họ còn cần phải *tắm nắng*.

Tuy vậy, có điều cần-thiết phải nhớ là không phải ai cũng tắm nắng đăng, tắm cách nào cũng đạng, tắm chừng nào và bao lâu cũng đang. Có nhiều người bị lao « thiệt thọ », hễ mặt trời lên cao thì đem lưng ra mà « phơi » vì họ có nghe rằng nhật quang giết đặng vi trùng Koch. Sự tắm nắng không dè-dặt ấy sẽ làm cho bịnh tình họ trở nên trầm-trọng.

Họ làm thế bởi họ không biết rằng mấy người mà trong phổi bị vít chưa lành, mắc bịnh lao gần phát ra hay đã phát rồi, đau bịnh sưng màng phổi (Pleurésie) thì không nên tắm nắng. Tốt hơn phải hỏi lương-y trước, vì nếu phổi có vít chưa lành mà tắm nắng thì bịnh sẽ thêm.

Nếu người phổi yếu tắm nắng mà thấy nhiệt-độ lên chút ít (température subfébrile), thấy ốm, ăn mất ngon, mệt-mỏi thì phải ngừng lại.

CÁCH TẮM NẮNG. — Trong nhà hay ngoài đồng, ở đâu tắm cũng được, miễn là có nắng giọi đến. Cho nắng giọi ngay trên da không có chi đậy lại (nghĩa là hoặc lõa thể hoặc chỉ mặc quần cụt).

Người tắm phải nằm, đầu nên che lại bằng nón, dù hay vật chi khác, mắt mang kính đen. Nếu trời nắng gắt thì để khăn có nhúng nước lạnh trên trán và trên trái tim.

Phải lựa giờ, đừng chờ đến lúc nắng gắt lắm, vì đây ta chỉ lợi dụng ánh sáng mặt trời, không cần đến sự nóng làm cho tới đổ mồ hôi, miễn sao cho chỗ ta phơi nắng có hơi ấm, dễ chịu là đủ.

Mỗi 5 phút hay 10 phút, người tắm phải trở mình dừng để cho nắng giọi một chỗ hoài. Làm như thế cho mỗi phía đều có nắng ăn.

Không nên tắm gần bữa ăn (nửa giờ trước và hai giờ sau bữa ăn chánh) cho bộ máy tiêu-hóa khỏi bị hại. Không nên tắm lúc đương có kinh-nguyệt.

Mỗi ngày tắm hai hay là ba lần. Lúc ban sơ không nên tắm hết cả châu-thân ; bữa đầu chỉ cho nắng giọi bàn chơn mà thôi, rồi dần dần cho giọi cả mình, theo như bảng dưới đây do ông Rollier chỉ-bảo :

NGÀY	thứ 1	thứ 2	ba	tư	năm	sáu	bảy	tám	chín	mười
Ngực vai và cánh tay (bras)					5p	10p	15p	20p	25p	30p
Bụng và bắp tay (avant bras)				5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p
Bắp vế và bàn tay			5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p
Bắp chơn (jambes)		5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p	45p
Bàn chơn	5p	10p	15p	20p	25p	30p	35p	40p	45p	50p

p — phut

(Xem tiếp trang 11)

NAM ĐÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

SỐ 12

XXII

HỌA THƠ QUẾ- DƯƠNG - KIỀU GẶP GIAI NHÂN CỦA TRIỆU VIÊN NGOẠI

TỐNG CHI VÂN

Nguyên Đường-âm

Giang-vũ triêu phi ấp tế trần,
Dương-kiều hoa-diễu bất-thăng xuân.
Kim-yên bạch-mã lai tòng Triệu;
Ngọc-diện hồng-trang bản tính Tần.
Đố-nữ do lân kinh trung phát;
Thị-nhi kham cảm lộ bàng nhân.
Đãng chu vi lạc phi ngô sự;
Tự thán không-khuê mộng-mị tần

Dịch Nam-đàn

Mưa tưới bụi, mưa sao mưa khéo!
Cảnh Dương-kiều hoa-liễu nhẩn xuân sang
Kim-yên, ngọc diện, hồng trang,
Triệu-đô nguyên-khách, Tần-nương vốn dòng.
Mày trong kính, gượng-ngừng tay đố-nữ,
Khách qua đường, hăm-hở đứa tỳ-nhi.
Đãng chu nào có vui gì,
Chút than hồn bướm không-khuê mơ-màng

Chú-thích

Triệu-đô nguyên khách — Nói đất Triệu là đất sản-xuất giai-nhân mà giai-nhân nguyên là khách Triệu.

Tần-nương vốn dòng — Nói họ Tần là họ vốn trứ-danh quí-nữ mà giai-nhân vốn là dòng Tần.

Đố-nữ — đàn-bà ghen. Hoàn-Ôn tướng-quân nhà Tấn khi đánh Thục, bắt em gái vua Thục là Lý-thị về, để riêng một nơi. Người vợ Hoàn-Ôn nổi tính ghen, cùng lũ thị-tỳ mười người, cầm gươm vào tận nơi định chém Lý-thị. Khi ấy, Lý-thị đang soi gương sửa tóc, tóc xoã xuống mặt đất, làm tóc xanh-đẹp như nậy. Vợ Hoàn-Ôn đổi giận làm yêu, than ràng: « Ta trông thấy tóc mày, còn lấy làm yêu, nữa là lão Hoàn-nô kia vậy!

Tỳ-nhi — Đứa hầu gái. Tả cái sắc đứa thị tỳ, để tỏ ra cái sắc người chủ-nữ.

Hồn bướm — Cũng như giấc mộng, nghĩa xem ở Tục-thảo bài số 8. *Đãng chu* — Đãng là lay-động; chơi thuyền mà khiến mỹ-nhân vừa cầm chèo bơi thuyền vừa hát để làm vui, gọi là đãng chu; vốn là sự hoang-du vô-ích, cổ-nhân thường lấy làm ran. Kể ra ngụ-ý ran mình và ran bạn.

Phụ bàn phép họa thơ

Họa là đáp họa lời nguyên-xướng. Phàm thơ họa của Đường-nhân phần nhiều là dùng ý mà đáp lại; nghĩa là họa ý chứ không họa vần, khác với thói thường của người đời sau, thì nhau dùng hiểm-vận, để làm trò khôn-quẫn nhau (tức là lôi bộ-vận.) Thực là tiểu-số văn-tự, không đủ xem vậy. Thi gia nên xem gương Đường-nhân.

XXIII

NGHE LÂN-GIA GẢY ĐÀN TRANH

TỪ-AN TRINH

Nguyên Đường-âm

Bắc đẩu hoành thiên, dạ dục lan,
Sầu nhân y nguyệt, tứ vô đoan!
Hốt văn họa các Tần tranh dật;
Tri thị lân-gia Triệu nữ đàn.
Khúc thành, hư ức thanh nga liễm;
Điệu cấp, giao lân ngọc chỉ hàn.
Ngân-thược trùng quan thinh vị tịch,
Bất như miên khứ mộng trung khan.

Dịch Nam đàn

Sao bắc đẩu ngang trời, đêm những ngóng,
Ta với trăng, trăng với bóng, tứ buồn tênh!
Tiếng đâu như tiếng Tần tranh,
Giá đành họa-các, người đành lân-gia.
Khúc trọn, tưởng nét nga vừa liễm;
Điệu mau, thương ngón ngọc còn tê.
Then vàng nghe khóa phòng khuê,
Thiu-thiu sẽ đợi giấc hòe thấy tiên.

Chú-thích

Tần-tranh — Đàn tranh gẩy lên khúc-điệu nước Tần. Tranh là tên một thứ đàn trong âm-nhạc.

Hoa-các — Gác trạm vẽ, nói lối nhà sang.

Lân-gia — Nhà lân-lý, tục gọi láng giềng.

Giấc-hòe — Tức là giấc mộng. Nhạc-phủ: « Bấy lâu nay những ước-ao; giấc hòe mộng-tưởng chiêm-bao mơ-màng ».

Bài trên, thơ giai-nhân của Tống-chi-Vấn. là tả về diễm-sắc. Bài này, thơ Lân-gia của TỪ AN-TRINH, là tả về cầm-thanh. Hai thơ tuy rằng phát hồ tình, song cũng biết đường chỉ hồ lễ-nghĩa, cho nên cũng dịch đang vào tập.

(Sẽ tiếp)

Hà-đông NGUYỄN ĐÔN PHỤC

XEM DIỄN KỊCH

« ĐỒNG BỆNH » và « VÂN-MUỘI »

CÂY THÔNG viết

Đêm thứ bảy 12-12-42, ban kịch « HANOI » đã tổ chức tại nhà hát Tây Hanoi một buổi kịch giúp quỹ cứu-tế quốc-gia.

ĐỒNG-BỆNH (1), (hài-kịch của Khai Hưng). — *Vì cẩn cẩu thận và cầu lợi, ông Thông Đán danh phải vờ-vịt, ta đây, cũng có chứng bệnh « thần-kinh », đồng-bệnh với ông Nghị Vấn. Khốn nỗi, mưu ấy bị bại lộ, và việc không thành. Thế mới rầy : con giai ông không lấy được con ông Nghị Vấn ; mỏ than của ông bị tịch biên đến nơi... Ông lập mẹo khác ; nhưng mẹo mới chưa kịp thi-hành thì mọi việc đã lại được êm-đẹp xong xuôi. Ông tức khí quá, và tự-nhiên ông đâm ra mắc bệnh « thần-kinh » thật !*

Kịch được dàn-xếp xảy ra trong ba màn tuyền là cảnh nhà ông Thông Đán cả. Song, không vì thế mà tẻ ngắt kém hoạt-động. Thời kỳ nọ qua thời-kỳ kia, lớp này qua lớp khác, thảy đều được ghi tả bằng những *biến, hiện* có lý của các vai kịch.

Người ta đã nhận thấy sự vờ-vịt khéo-léo trong lúc ông Thông Đán, bệnh-nhân bất-đắc-dĩ, chỉ chọn những chén sành rẻ tiền để đập ; trong lúc ông cẩn-thận cất trong đáy tủ mấy cai chóe sứ men tàu và ông đã không quên đề-phòng đóng chặt cửa vào.

Để tả những vào-hùa, chiều-chuộng, bưng bít, giấu-giếm, bà Thông Đán đã sẵn lòng rước về đủ ấm chén, đủ cả hai chiếc lọ độc bình hạng xấu và bà đã khôn ngoan than-thở với người nhà nhà ông Nghị Vấn.

Ông Nghị Vấn đã biết tỏ tình thân-thiện lưu-luyến với người đồng bệnh bằng cách ân-cần hầu-hạ thuốc-thang và đưa, giắt, đặt bệnh-nhân yên nghỉ tĩnh-dưỡng ở một góc phòng.

Một vẻ mặt bơ phờ, một cái buông rơi mũ ở tay mà không biết, đã khiến cho ta hiểu rằng ông Thông Đán cụt hứng, thất-vọng đến cực-điểm, lúc được biết ông Nghị Vấn không bằng lòng kết thông-giao với mình....

Vai Thông-Đán do ông Đinh-Phụng thủ bản đã luôn luôn làm cho khán-giả thích trí cười rộ. Cứ nom cái bộ mặt hoặc cau-cau có-có, hoặc hớn-hớn hở-hở, cứ nghe cái giọng từ nhẩm nhẩn nhát gừng sang nhỏ-nhẻ thì-thào, cũng đủ thấy bệnh ông thăng giảm bất thần, lên cơn đấy rồi lại đột-nhiên bình phục đấy, theo ý muốn.

Nhưng nhiều lúc khán-giả cũng phải sốt ruột, khó chịu vì thấy bệnh-nhân chỉ lên cơn ở có một chỗ vẻn-vẹn trước cái sập, và chỉ ra công đập vỡ ấm chén như pháo đền. Người ta phải phân-vân tự hỏi : « Bệnh thần-kinh riêng ghét cay ghét độc những đồ sành vậy ư ? » Sao nhà dàn kịch không để cho vai Thông Đán « bức-bối » rộng thêm ra chút nữa, cả phạm-vi của sân-khấu ? và lúc đã thật mắc bệnh rồi, vì lẽ gì ông Thông Đán không gạt lật cả những vật-dụng khác, như ống nhổ, chấp trầu, bầy ngay ở mép sập, gần và tiện tay hơn là đồ sành lồng chồng tận xa ? Khán-giả sẽ hiểu nhầm tưởng bệnh nhân vẫn còn ốm vờ, nếu vô-tình không để ý nhận thấy ông ta xô-đẩy bà vợ, không chút nề-nang.

Cô Lệ-Thanh, trong vở bà Thông Đán, có một lối đóng kịch rất đặc-biệt, đáng chú ý. Cử-chỉ có ý-nhị ; giọng nói được tự nhiên. Với những điệu lấy thuốc lào sát vào răng, đưa ngón tay trỏ và ngón cái để lau quạc bộ vành môi, ngửa cổ lên nói như e ngại cốt trầu ứa rỏ, cô đã khéo « quyến-rũ » tâm-trí của khán giả....

VÂN-MUỘI (kịch thơ của Vũ-Hoàng-Chương). — Sân khấu là cả một bức tranh hoạt-động đủ mầu, ánh, bóng đầy thi-vị.

Vân-Muội (Tiểu-Vân), trong bộ áo xiêm thời cổ, nền lụa bạch, tà cổ viền đen, là những nét thủy-mạc đơn sơ ; mấy vòng khăn lượt quấn giữ cái búi tóc to và cao cùng tấm áo dài hồ-thủy của Hoàng-lang — (Vũ Hoàng Chương) — là những nét thuốc dịu dàng tô ; còn những quệt bút đầu sơn dạm đậm chính là dam vuông nhiễu điều quàng cổ của Vương sinh — (Lan-Khai) — hai đầu lơ-đãng tỏa buông trên thân áo mầu lam.

Vầng sáng cau đèn chiếu mơ hồ khi đậm, khi nhạt, như cảng tang thêm vẻ dìu dặp chập chờn của Vân-Muội, nàng hiện ra cùng một chiều, cùng một điệu với bức tranh treo; giữa lúc Hoàng-lang, tựa bên bàn đọc, dưới ngọn đèn dầu, đang thẫn-thờ mơ-tưởng nhớ tới vị tiền-thân từ kiếp trước; giữa lúc tiếng gà xa trong xóm đã bắt đầu vẳng lên, khoan-thai âu-yếm gọi ngày về...

Có ai quên được lớp thi nhân Hoàng lang kiểm điểm những tư-tưởng di-vật của nàng Vân còn để lại? Khuôn gương tư-mã trên tay vô tình đã thu in bóng dáng ai kia ở bức tranh treo, khiến người thi-sĩ si-tình nọ phải bàng hoàng lảo-đảo vội quay gót, mà ôm choàng lấy Vân-Muội, Vân-Muội của Vương-sinh chàng đã ghi-họa trên tờ tranh...

***

Sau « Thế chiến quốc », « bóng giai-nhân », nay thêm một lần nữa, Ban Kịch Hanoi đã khiến cho ta nhận rõ thấy kịch không thể lẫn với tuồng, trèo được.

Điều mà ban kịch đó hằng mong ước, nay đã thực hiện. Vì, như lời của Ban Kịch Hanoi đã bày tỏ, bằng Pháp-văn và quốc-âm, cùng toàn-thể khán-giả, trước lúc mở màn khai diễn, chưa dám sánh theo những Molière, Corneille, Racine... nhưng trong khi quốc-dân hồ như vẫn ghẻ lạnh với nghành mỹ-thuật này, cần hãy hết sức bưng-phục lại kịch và truyền-bá để ai nấy đều hiểu « kịch » theo nghĩa chính của nó...

Bằng vào những vở đã được đem lên sân khấu, ta tin rằng, cứ đi trên con đường chân-chính đã vạch đó, Ban kịch Hanoi có thể vừa nâng cao giá trị của kịch giới lên, vừa làm giàu thêm cho nền văn-hóa ở xứ này.

CÂY-THÔNG

(1) Về vở kịch này, một số T. T. trước, K. T. Q. đã có bài phê bình rồi, nay C. T. phê bình về buổi diễn kịch ấy.

Muốn tắm nắng ?

(Tiếp theo trang 8)

Từ ngày thứ mười cho tới thứ 15 mỗi ngày tăng thêm 5 phút trên mỗi bộ-phận, Tỷ như về bàn chơn, ngày thứ mười tắm 50 phút, ngày thứ 11, 55 phút, ngày thứ 12, 60 phút vân vân... Ngày thứ 15, tắm cả châu thân một lần, khỏi tắm từng bộ-phận vì trong mình đã quen rồi. Mỗi ngày có thể tắm được — kể cả mấy bận tắm chung lại — từ ba giờ đến 6 giờ đồng-hồ. Nhưng nếu một ngày tắm cả thảy được ba giờ — nghĩa là hai lần, mỗi lần một giờ rưởi — thì là tốt lắm rồi. Tắm hơn ba giờ được là khi nào người còn trẻ, chịu nổi, và da mau bị đen.

Người tắm nắng đen chừng nào càng tốt chừng nấy. Đen vì nắng chớ không phải đen là nhờ thuốc thoa lên da cho mau đen như có một lúc, vì muốn theo « mốt » bên Âu-châu, nhiều người đã làm.

Phải coi chừng, người nào tắm nắng mà da không đen lại đỏ, vì sợ họ chịu không nổi. Người nào da mau đen thì khỏi sợ chi hết. Đó là một điểm tốt.

Nếu người mạnh mà sau khi tắm nắng thấy trong mình mệt, ngủ không được, đầu nặng, ăn không ngon, nhiệt độ lên thì chỉ nghĩa là tắm lúc trời nóng quá. Phải tắm khi trời mát hơn là đủ, không sao mà ngại.

Trên đây là cách tắm nắng của người lớn, họ không chạy cùng được. Chớ con nít được thả lỏng, chỉ bận một quần cụt, cả ngày chạy giỡn ngoài nắng, là nó đã tắm nắng cách nó, cũng tốt vậy.

Bác-sĩ LÊ-VĂN NGÔN

Tài-liệu rút trong quyển

« BỊNH HO LAO » *đang in*

Tra nghĩa chữ nho

(Tiếp theo trang 5)

nhân, 2, quốc phu nhân, 3, quận phu nhân, 4, chính phu nhân, 5, tự phu nhân (dĩ thượng ngũ đẳng) 6, liệt phu-nhân : chánh nhất phẩm (chép theo *Lê-triều quan-chế*, quyển 2, tờ 10 b). Về triều Nguyễn, vợ các quan có 4 bực được cáo thụ phu-nhân, là vợ quan chánh nhất phẩm và tòng nhất phẩm, đều được nhất-phẩm phu-nhân, vợ quan chánh nhị phẩm và tòng nhị phẩm đều được cáo thụ phu-nhân. Từ chánh tam phẩm trở xuống không được gọi là phu nhân (*Quốc triều quan chế*, tờ 4 b).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có

Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn
Khoản thức biên gia phả
Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyền này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào

Cử nhân

Dương Bá-Trạc *soạn*

Giá 0$40 — Cước 0$10

gửi bằng tem (cộ) cũng được cho hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông HANOI

a) Nếu mượn được ở một thứ chữ độc vận như chữ tàu thì tiện lắm. Chỉ còn việc mang vần quốc-ngữ việt-hóa nó đi, người nhà quê mình đọc được là được. Nhưng người Tàu chưa biết cách đặt chữ chuyên-môn. Người Tàu hiện chỉ có những đoạn thường-ngữ rất lộn-xộn dùng thế vào các chữ chuyên-môn cần phải có thôi. Người Tàu có cách đặt chữ mới đã lâu đời lắm rồi, nhưng họ không nghĩ dùng đến nó là vì họ chưa hiểu thế nào là chữ chuyên-môn. Nên mình không theo người Tàu được.

Tiếng nhật thì lại là một thứ tiếng dính căn tự (agglutinante), nghĩa là đa-vận, nên dầu người Nhật có chữ chuyên-môn, mình cũng không thể để nguyên mà mượn được. Trong bài « Adaptation » tôi đã nói như vậy.

Đã không mượn được ở tiếng tàu, tiếng nhật, tất phải mượn ở tiếng âu, nó là thứ tiếng cỗi-rễ của khoa-học, tự nhiên đầy đủ chữ chuyên-môn hơn các thứ tiếng khác. Mà nếu mượn ở tiếng âu thì sao không mượn ngay ở tiếng pháp, nó là một thứ tiếng người mình biết nhiều, dùng nhiều, lợi cho sự học hỏi từ tiếng ta sang tiếng pháp, từ tiếng pháp trở về tiếng ta. Vả chăng, tiếng khoa-học chuyên-môn của Pháp phần nhiều là ở tiếng hy-lạp mà ra. Mà tiếng hy-lạp, tiếng phạm (sanscrit) và tiếng cao-mên là cùng một cỗi-rễ. Sau này ta có thể từ tiếng pháp sang tiếng hy-lạp, tiếng phạm, tiếng cao-mên là tiếng láng giềng của ta, không sợ túng căn tự cho khoa-học.

Vậy những tiếng cần phải mượn ở tiếng âu hay là nói cho đúng, mượn ở vạn quốc khoa-học ngữ thì mình mượn ngay ở tiếng pháp là rất phải, còn gì nữa.

CÁCH ĐẶT TIẾNG VIỆT MỚI

dùng làm chữ chuyên - môn

(Tiếp theo)

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Nếu mượn ở tiếng pháp, tiếng âu, là thứ tiếng đa vận thì trong một chữ mình sẽ chỉ giữ lại một hay hai vần kêu nhất, nghe rõ nhất, dễ nói, dễ nhận, dễ nhớ nhất thôi. Nhưng chỉ giữ lại hai vần là cùng thôi mới được, vì tiếng an-nam ròng chỉ có đến hai vần thôi. Giữ lại một hay hai vần, lấy quốc-ngữ phiên âm ra, người nhà quê mình đọc được là được.

Khi đó theo luật tự-nhiên đào thải, thì :

Nếu chữ chuyên-môn của người ta chỉ có một vần kêu thôi, sang tiếng mình nó sẽ thành ra chữ độc-vận.

Nếu chữ của người ta có hai vần kêu thôi, sang tiếng mình nó sẽ thành ra tiếng lưỡng-vận.

Nếu chữ của người ta có từ ba vần trở lên, sang tiếng mình nó lại díu lại mà lại thành chữ độc-vận, như tôi đã nói ở đoạn trên.

Đấy, theo luật tự-nhiên, khi một tiếng đa-vận của ngoại quốc sang tiếng mình thì nó chỉ còn lại một hay hai vần thôi, không bao giờ thành một chữ ba vần.

Vậy mình phải theo thế mà việt-hóa tiếng ngoại quốc, trừ ra khi nào những chữ chuyên-môn của người ta đã được vạn-quốc khoa-học hội nhìn nhận làm tiếng khoa-học ngữ để khi viết tắt người nước nào cũng hiểu được thì không kể.

Những chữ như vậy tỷ dụ như những danh-từ của các nguyên-tố và hợp-tố trong hóa-học và các danh-từ của các « mẫu » dùng trong sự đo-lường về khoa-học (les noms des corps simples et des corps composés de la chimie minérale ainsi que les noms des unités de mesures scientifiques).

Mang những chữ này sang tiếng mình phải giữ lại một hai vần đầu (không tất nhiên là vần kêu nhất) nghiã là những vần bắt đầu bằng chữ cái dùng để viết tắt. Nói một cách khác, đối với những chữ ấy thì mình phải dựa vào lối viết tắt mà đặt tiếng việt mới.

Việt-hóa những tiếng của vạn-quốc khoa-học hội như thế là làm trái luật tự-nhiên, nhưng nó lại lợi đường khác là tránh sự ngôn-ngữ bất đồng nó sẽ cản-trở sự giao-thông tư-tưởng khoa-học của châu Âu, châu Á, người Pháp, người Việt chớ không phải không có cách nào làm khác được như người ta đã tưởng lầm.

Ai cấm mình đặt ra những lệ riêng (conventions spéciales) để đặt tên cho các hóa-vật vô cơ cùng các mẫu đo-lường về khoa-học ?

Nếu mình thích, mình sẽ gọi soufre là *tàng* viết tắt là *t* ; kêu oxygène là *nghiêm*, viết tắt là *ng*.

Bao nhiêu những oxydes của *tàng* sẽ có một tên chung là *tiêm*. Muốn biết *tiêm* nào nhiều *nghiêm* hơn, mình sẽ theo thứ-tự các giọng như sau này :

Tiêm, tiềm, tiếm, tiềm, tiệm, tiễm.

Còn thấy nhiều thứ *tiêm* nữa mình sẽ gọi chúng theo thứ tự sau này :

Tiên, tiền, tiến, tiền, tiện, tiễn hay *tiêng, tiềng, tiếng, tiềng, tiệng, tiễng*, v. v...

Hay lấy những chữ đã có thứ-tự sẵn mà đặt tên cho chúng cũng được, tỷ dụ như giáp, ất, bính, tí, sửu, dần...

Hoặc cao, tằng, tổ, phụ, thân, tử, tôn, tằng, huyền.

Hay là đặt tên theo lối Nguyễn-triều, là làm ra mấy bài thơ, rồi theo thứ-tự chữ trong thơ mà đặt tên.

Hay là lấy ngay mấy chữ Đinh, Lê, Lý, Trần,... để đặt tên họ cho các oxydes, acides, bases, sels ; lấy những chữ trong các bộ kim, thạch, thủy, hỏa, thổ để đặt tên riêng cho các nguyên tố và mang đệm mấy chữ mạnh, trọng, quý ; giáp, ất, bính, đinh,... để chỉ thứ-tự.

Không thiếu gì cách. Miễn là đặt tên cho các vật học của một môn sao cho có từng họ, rõ từng nghành, lại trên dưới, con trưởng, con thứ phân-biệt là được.

Làm như thế mình sẽ có lối viết tắt hay là những cái « công-thức » riêng của mình.

Khi viết về hóa-học vô cơ mà quên cái công việc phải làm đầu tiên là định các lệ để tha hồ đặt tên cho các con cháu nhà hóa-học thì chẳng khác gì như muốn dùng cái đèn chiếu ảnh mà lại quên thắp đèn ấy mà.

« Vỏi vòi voi, cái vòi đi trước !
Hai chun trước đi trước !
Hai chun sau đi sau !
Còn cái đuôi đi sau rốt ! »
Con trẻ nó biểu thế mà phải.

Nếu mình thích, mình cứ dùng cái thước ba gang, cái cân lỏng-lẻo của mình ; người Âu cứ dùng cái thước, cái cân khoa học của người Pháp ; mình cứ dùng âm-lịch, người Âu cứ dùng dương-lịch, không ai cấm. Đằng nào đo lường cũng đúng được cả. Chỉ vị không tiện cho sự giao-thông tư tưởng thôi.

Đấy, cái lẽ chánh, tại làm sao mình nên việt-hóa tiếng pháp, tiếng âu, hay tiếng vạn quốc khoa-học ngữ là vậy.

Chớ có phải vì « lúc nào tiếng thường không rõ nghĩa, chữ nho cũng khó nghe, mà tiếng âu-châu diễn âm ra cũng không chướng tai » thì diễn âm đâu. Mà cũng chẳng phải vì « nhất là đối với những ý mà người Pháp, người Đức, người Anh cũng nói na-ná giống nhau » thì mình nên diễn âm đâu. Những chữ mà người Pháp, người Đức, người Anh nói và viết na-ná giống nhau nhưng không được vạn-quốc khoa-học hội nhìn nhận nó làm khoa học ngữ để khi viết tắt cho tiện thì cũng bằng bỏ, không đáng kể tới.

Còn những chữ khác của người Pháp, của người Âu những chữ nó không phải là tiếng khoa-học của vạn-quốc, nó không có lý gì mà thành ra tiếng khoa-học của vạn quốc được thì mình đừng nên việt-hóa.

Khi đó việt hóa là vô lý, vì người mình ai chưa học tiếng pháp, tiếng âu không thể tầm nguyên mà dễ nhận, dễ nhớ được.

Nói tóm lại : Việt-hóa là thế nào ? và khi nào nên việt-hóa ? Việt hóa là dựa vào tiếng ngoại quốc mà làm ra tiếng việt, chứ không phải để làm ra một thứ tiếng lai. Mà chỉ khi nào gặp những chữ của vạn quốc khoa-học ngữ thì mới nên việt-hóa thôi.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Cùng chung trong Đại-Đông-Á, người Annam đều đọc :

" TÂN Á "

« TÂN A » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandat xin đề :

Maison ASAU

72, Rue Chaigneau Saigon
Téléphone N° 21.756
Adr. télég. AULEVANI - Saigon

THỜI-ĐÀM

Kênh-đào Suez và kênh-đào Panama trong cuộc chiến tranh hiện thời

NHẬT-NHAM

KÊNH đào Suez khơi qua eo đất Suez, theo đồ bản do một người Pháp Ferdinand de Lesseps phác-họa và dưới quyền kiểm đốc một công-ty quốc-tế.

Sau 10 năm công-tác, mãi tới năm 1869, kênh đào Suez mở cửa cho tầu bè qua lại. Dài 169 cây số qua một miền đất cát và hiu quạnh, kênh đào Suez được xuất hiện là nhờ công dụng của nhiều hồ Balâh Timsâh, Amers trong công cuộc khơi sông. Theo dọc kênh đào, ngay tại miền trung tâm, có thành phố Ismailia.

Rồi theo thời gian, kênh đào ngày được sửa sang, nên trước kia mới rộng 22 thước, nay đã có tới 40 thước bề ngang. Những nơi cho các tầu tạm dừng để trao đổi hàng hóa và hành khách cũng được mở mang nhiều hơn trước. Xưa ban đêm tầu bè không được qua lại trên mặt kênh đào; ngày nay sự giao thông trên Suez ban đêm cũng tiện lợi như ban ngày. Trước qua kênh đào phải mất 52 giờ, nay rút xuống 18 giờ rưỡi. Nhiều xưởng chữa tầu nhiều nơi tích trữ than đều đặt tại Port-Said, một thành phố to có 5 vạn dân lập ngay trên cửa sông Suez thông ra Địa-trung-hải.

Chung bình mỗi năm có 5 nghìn thương thuyền qua lại trên sông. Trong số ấy, các tầu sang Anh hay từ Anh lại, các tầu về Ấn độ hay ở Ấn độ đi, đều chiếm nửa phần. Ngoài ra, còn các tầu giao thông với các hải khẩu Pháp, Mỹ, Đức, các hải khẩu Viễn Đông (Đông dương, Trung-hoa, Nhật-bản) và các hải khẩu Úc châu.

Sự giao dịch qua Suez được bành trướng là nhờ hai nguyên nhân :

1) Suez liên lạc hai thế giới có sản lực mạnh nhất : một bên là Âu châu và một bên là Ấn độ và Viễn đông. Xưa kia muốn đi từ Londres hay từ Marseille sang Bombay (Ấn độ) hay Thượng hải (Trung hoa), các hải thuyền đều phải vòng quanh miền duyên hải châu Phi. Ngày nay nhờ có kênh đào Suez mà con đường ấy rút ngắn được nửa phần. Tuy các tầu bè phải nộp thuế qua kênh, thế mà non 9 phần mười sự giao dịch giữa Âu-châu và Viễn-đông đều qua con đường này, trừ ra có ít tầu tải than chạy qua mỏm đất Cap miền Nam Phi.

2) Theo đường kênh đào Suez, các tàu bè đều chạy qua những miền phồn thịnh, nhiều sản vật, đông dân cư. Tàu bè đều tạm dừng tại các bến lập trên các vùng ấy để trao đổi hóa phẩm. Một thương thuyền từ Hoa-kỳ sang Tàu qua Thái-bình-dương, phải qua một đại-dương hưu quạnh. Một thương thuyền từ Âu-châu sang Trung-hoa theo đường Suez, chạy qua Algérie, Ai cập, các nước trên bờ Hồng-hải, Ấn-độ, Đông-dương, Nam-dương quần-đảo, là những miền có nhiều hành khách lên xuống và có lắm sản vật để trao đổi.

Tuy có nhiều đường giao thông mới mở, như đường sắt qua Tây-Bá lợi-á, mà sự giao dịch theo đường Suez càng ngày càng phát đạt. Lại thêm các đường hỏa xa mới đặt tại Asie Mineure và Iran đem lại rất nhiều hành khách và sản vật miền Trung-Á và Ba-tư, khiến cho địa vị kênh đào Suez ngày thêm quan-trọng.

***

Kênh đào Panama do một công ty Pháp khởi công ; sau bị thất bại vì vấn đề tài chính, công ty ấy nhường công việc lại cho một công ty Mỹ tiến hành. Đến năm 1914, kênh đào Panama khánh thành.

Kênh đào Panama qua eo đất Panama và chia làm ba đoạn chính : một đoạn trên Đại tây dương, ngang với mặt biển ; đoạn giữa theo lưu vực sông Chagres, có máy be nước, mặt nước cao 26 thước tây, tàu bè đi lại phải lên qua ba từng cống máy ; đoạn thứ ba, trên Thái bình dương, tàu qua hai từng cống máy mới xuống tới mặt bể.

Kênh Panama có ảnh hưởng đến nền kinh tế :

1) Hoa-kỳ được nhiều lợi. Một phần sự giao dịch giữa Hoa-kỳ phía Thái bình dương và Hoa-kỳ phía Đại-tây-dương đều qua Panama.

Miền bắc Đại-tây-dương có thể tải các sản vật qua kênh Panama sang Úc-châu, Nouvelle Zélande (Tân Tây-lan), không phải vòng

quanh mỏn Magellan như trước nữa. Xưa, sự giao dịch giữa Nữu-ước với Viễn-Đông một phần do các đường bộ và đường Thái-bình dương một phần do đường Đại-tây-dương và kênh Suez. Ngày nay qua kênh Panama, sang Yokohama lợi được 6500 cây số, tới Thượng-hải giảm được 3000 cây số, và tới Hương-cảng cũng lợi được 3000 cây.

2·) Sự giao dịch Âu châu cũng lợi hơn trước. Nếu lấy tỉnh Liverpool là nơi gần kênh Panama nhất, ta sẽ thấy rõ đường giao thông giữa Liverpool và các hải-khẩu Viễn-Đông qua Suez và Panama đằng nào ngắn hơn.

Từ Liverpool đi	Theo đường Suez	Theo đường Panama
Wellington (Tân-Tây-lan)	20.800	18.500
Melbourne (Úc-châu)	19.400	21.900
Hương-cảng (Nam-hoa)	16.200	24.000
Thiên-tân (Bắc-hoa)	18.300	22.400
Yokohama (Nhật bản)	19.300	20.900

Trừ sang xứ Tân Tây lan, đường Suez dài hơn, còn thì đường nào qua Suez cũng đều ngắn cả.

Ta có thể kết luận: các nước Âu-châu dùng đường Suez tiện lợi hơn đường Panama, trái lại, đường Panama rất có ích cho các nước Mỹ-châu.

12 phần trăm các tàu qua kênh Panama đều là tàu Hoa-kỳ, Mễ-tây-cơ, Gia-nã-đại đi lại.

Thời thường hai kênh đào Suez và Panama có ảnh hưởng rất lớn đến sự giao dịch trên mặt địa cầu như thế, nên từ ngày chiến tranh xuất hiện, hai con đường gian thông ấy lại thêm một công dụng to về mặt quân sự: liên lạc các mặt trận, tiếp-tế lương thực và chiến cụ được mau chóng, một phần to đều do hai con sông nhân tạo Suez và Panama! Vì Suez và Panama chiếm một địa vị quan trọng trên trường quốc tế, mà giữa hai phe địch, một bên đương hết sức tấn công để mong làm chủ nhân-ông, còn một bên cũng không kém phần chiến đấu để giữ nguyên quyền sở hữu.

NHẬT-NHAM

TÙY HỨNG

Ngồi tàu trông ra biển

Tàu chạy sườn non, cây tưởng chạy,
Mây trôi mặt biển, ác đương trôi;
Chim âu bay lướt ngàn sa trắng,
Ngọn nước triều dâng sóng tạt giới.

❖

Đi thuyền về thăm bạn

Rừng xưa vang tiếng chim mừng bạn,
Núi cũ theo người mộng bốn phương.
Tâm-sự một thuyền, sông một giải,
Nước trôi, trôi cả ánh tà-dương.

Bà MỘNG-SƠN

ĐỌC SÁCH

KIM VÂN KIỀU

(quyển thứ nhất)

« Đắc Lộ thư xã » mới xuất bản (1) quyển **Kim Vân Kiều** *mỗi câu có đối chiếu bản dịch tiếng Pháp của ông Nguyễn văn Vĩnh và dưới có chú thích, dẫn giải, lại kèm thêm nhiều bức họa đẹp do họa sĩ Mạnh Quỳnh vẽ.*

Ai là người đã đọc ông Nguyễn văn Vĩnh qua các văn phẩm của ông dịch trong **Đông dương tạp chí, Âu tây tư tưởng** *cũng phải công nhận cái thiên tài của nhà học giả ấy.*

Ngạn ngữ phương Tây có câu: « Dịch là phản nghĩa », nhưng khi dịch mà lột được hết tinh thần thời không gọi là « phản nghĩa » được; những câu văn dịch của ông Nguyễn văn Vĩnh chính là ở trong trường hợp này. Ông Vĩnh lại có một lối dịch riêng, không dễ mà ai có: nhơn văn giản dị mà rõ ràng, tầm thường và bong bẩy, cho nên những bản của ông dịch thường có một cái đặc sắc.

Về về lối dịch, các cụ ta xưa cũng đã dịch thơ tàu, đại khái như trong Kiều, nhiều câu cụ Nguyễn Du đã dịch ở thơ chữ Hán ra.

Câu: « Ba thu giọn lại một ngày dài ghê » là dịch ở câu: « Nhất thượng đắc kiến như tam thu hề ».

Lại câu: « Duyên Đằng thuận nẻo gió đưa », là dịch câu: « Thời lai phong tống Đằng vương các » v. v..

Cụ Nguyễn Du đã là một nhà dịch thơ cổ hay đến thế thời trong quyển « Kim Vân Kiều » này, ta sẽ nhận thấy cái hay, cái giỏi của ông Nguyễn văn Vĩnh, vì ông Vĩnh đã hiểu được hết ý cụ Nguyễn Du trong văn Kiều, xem như câu:

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.

Ông Vĩnh đã khéo dịch:

Des audantes sont comme la brise légère qui passe dehors.

Dans les allegros, les sons se précipitent comme les grains d'une brusque averse.

La flamme qui éclairait les amants semblait changer d'intensité selon l'expression de chaque mouvement de la musicienne.

Plongeant celui qui écoutait dans une rêverie mélancolique (trang 116).

Quyển **Kim Vân Kiều** *dịch nay ra đời chính là lúc đang hợp thời, vì ai ai cũng mong được đọc lại những câu văn đã từng nổi tiếng ở* **Đông dương tạp chí** *và* **Âu tây tư tưởng** *khi trước.*

NGUYỆT-HẰNG

1) Do nhà in Mai Lĩnh đứng tổng phát hành.

MỘT KIẾN GIẢI VỀ :

VẦN THƠ TIẾNG TA

ĐỖ-THỨC

(Tiếp theo)

Về vần bằng, thời *i, ia, uy, uya, uê, e, ê, eo, y, ya* và tất cả những tiếng có nguyên-âm vần đơn hay là ghép ấy, đều thuộc về một vần; ví dụ *kê, che, về* ở những câu này :

Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm-đềm chướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
(Kiều)

Về, thuê, huê trong những câu :

Là nhà ngô việt thương gia,
Buồng không để đó, người xa chưa về.
Lấy điều du học hỏi thuê,
Túi đàn cập sách để *huê dọn sang.*
(Kiều)

Kia, gì ở hai câu :

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia,
Ơn lòng quân-tử xá gì *của rơi.*
(Kiều)

Hòe. lê, trong hai câu :

Tiếng sen sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã xế hoa lê *lại gần*
(Kiều)

Nhi, khuê ở những câu :

Hoa khôi nồi tiếng kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến chướng khuê *gửi vào.*
(Kiều)

Hè rì trong hai câu :

Gác thoi ra đứng bên hè,
Đầu thềm tiếng dế rù-rì khóc sương
(Thu dạ lữ hoài ngâm)

Khuya, bề ở đôi câu :

Rà vào chầu chực sớm khuya,
Chữ chung chữ hiếu đôi bề *vẹn hai.*
(Hoàng-trừu)

Cùng một vần : *in, iên. uyên, oen, en, ên, yên* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy. Thí-dụ :

Kiều thơm lần dở trước đèn,
Phong tình cổ lục còn truyền *xử xanh.*
(Kiều)

Phong xương được vẻ thiên-nhiên,
Mặn khen nét bút càng nhìn *càng tươi.*
(Kiều)

Khắp soi trong cõi ba nghìn.
Yên hà riêng nửa, lam tuyền *chung đôi.*
(Bích câu kỳ ngộ)

Cùng một vần : *im, iêm, em, êm, yêm,* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy, Ví dụ :

Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm *chén thề.* (K)
Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ xa đem *tấc thành* (K)

Cùng một vần : *inh, anh, ênh* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy. Thí-dụ,

Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Chân đi một bước, trăm tình *ngẩn-ngơ.*
(Chinh-phụ ngâm)

Nao-nao dòng nước cuốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh *bắc ngang.* (K)

Cùng một vần : *iu, iêu, eo, êu, ao, yêu,* và những tiếng có nguyên-âm vần ghép ấy, Thí-dụ :

Dần dà sang tới Tràng-an,
Phố phường xe ngựa y quan dập dìu,
Dò la thăm hỏi mọi điều.
Nghe tên Ô-Thước, Lam-Kiều *đâu đây.*
(Hoàng-Trừu)

Ào-ào đồ lộc rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy tìm bước in rêu *rành-rành.* (K)
Xanh xanh dẫy liễu ngàn thông,
Cỏ lan lối mục, rêu phong *dấu* tiều.
Một vùng non nước đìu-hiu.
(Bích câu)

Cửa từ bi công đức biết bao !
Càng trông phong cảnh càng yêu,
(Hương-sơn — Chu Mạnh-Trinh)

Nàng thì vội trở buồng thêu
Sinh thì dạo gót sân đào *vội ra.* (K)

Nên nhớ : tiếng *đào,* tiếng *cao* có thể đọc chạch ra *điều, kiêu.*

Cùng một vần : *u, o, ô, ưa,* và những tiếng lập-thành có nguyên-âm đơn hay là ghép ấy. Ví dụ :

Êm giời vừa tiết sang thu,
Ngàn sương rắc bạc, lá ngô *rụng vàng*
(Bích câu)

Trạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một niềm quan tái, mấy mùa *gió trăng.* (K)

Nên ghi : Tiếng *chậu* chữ nho có khi đọc là *chu,* cho nên không sai vần trong những câu này :

Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lĩnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
Nàng đà gieo ngọc trầm châu
Sông Tiền-đường ấy là mồ *hồng-nhan.* (K)
Một người vừa gọi là cô,
Con Dương Đô-đốc nhậm châu *quận này.*
(Hoa Tiên)

Cùng vần : *uôn, on, ôn,* và những tiếng có nguyên âm ghép ấy. Thí-dụ :

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, rút về chỉn khôn.
Bóng tà như dục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn *ghé theo.* (K)

Cùng vần : *uôm, ôm,* và những tiếng có nguyên-âm ghép ấy. Ví dụ :

Buồn trông cửa bể gần hôm,
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm *xa xa.*(K)

Cùng vần : *uân, ăn, ân,* và những tiếng có nguyên-âm ghép ấy. Ví dụ :

Nỗi riêng, riêng những bàn-hoàn,
Dầu trong trắng đĩa, lệ chàn thấm khan.
Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han. (K)

Cùng vần : *ung, ong, ông :*

Lọt mành hây hẩy gió đông,
Xôn xao trăm nhị, não nùng *trăm hoa.*
(Hoàng Trừu)

Kể ra lẽ phải vô cùng,
Được lòng bên nọ, mất lòng *bên kia.*
(Hoàng Trừu)

Trên non thấy bóng cây tùng
Gượng lần lên đó để hòng *nghỉ ngơi.*
(Hoàng Trừu)

Ư, ưa, ơ :

Nào người cữ gió tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư *một ngày.*
Một lời nói chẳng kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ *đến ngay.* (K)
Rành rành kẽ tóc chân tơ
Mấy lời nghe hết đã dư *tỏ tường.* (K)

Uông, ương, ang :

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra quạ đã ngậm gương *non đoài.* (K)
Vội về thềm lày của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
Bậc mây dón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rõ-ràng chăng nhe ! (K)
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vần *đến đâu.* (K)

Uây, ay ây :

Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày *dài ghê !* (K)

Ui, ưi, ươi, uôi, oi, ôi, ơi, ai, oai :

Vua cha xem thấy mừng vui,
Rắp tìm phò mã kén tài *đống lương.*
(Hoàng Trừu)

Nhác trông ngỡ khách lâu dài,
Ngư tiềm nhạn lạc đáng người *tiên cung.*
(Hoàng Trừu)

Mênh mông mặt nước chân trời,
Tàu bè phút đã ra ngoài *đại dương.*
(Hoàng Trừu)

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài *sáu mươi.*
(Kiều)

Lòng thơ lai-láng bồi-hồi,
Gốc cây lại vạch một bài *cổ thi* (K)

(Còn nữa)

ĐỖ-THÚC

DU-KÝ

Hanoi — Vientiane trong hai giờ

Số 1

VŨ-NHẬT

Từ khi có đường hàng không Hanoi — Vientiane, tôi vẫn nuôi cái ước-vọng là trong đời sẽ có một lần được hưởng chút thú « đi mây về gió ». Thỉnh-thoảng có dịp lên trường bay, trông thấy chiếc *Dewoitine* ba máy khổng-lồ, ngắm những chỗ ngồi sang-trọng của nó, thì lòng ham muốn lại càng mạnh.

Chúng tôi, những tiểu công-chức, lương tháng chỉ suýt-soát trên dưới 100$00, một lúc bỏ ra 100$ để đi một chuyến tầu bay, không phải là một sự ngông-cuồng thì cũng phải là một sự hi-sinh về tiền tài để được thỏa mãn lòng hiếu kỳ.

Tháng Juin vừa rồi, tôi có dịp về Bắc chơi, lúc sang Vientiane, tôi định sang bằng tầu bay. Ông thân sinh ra tôi biết tin ấy, tỏ ý lo sợ và can tôi rằng: « Người ta khi muốn đi mau quá lại hóa ra chậm, mà đi thong-thả lại hóa ra đến mau hơn. Con nên đi đường bộ cho chắc chắn. »

Nhưng tôi không vâng lời cha. Giá chuyến đi ấy có xảy ra sự rủi ro thì chắc các bạn có thể cười tôi mà bảo : « Đáng đời cho đứa con bất hiếu ! »

Hôm ấy vào ngày thứ tư. Tối hôm trước, chúng tôi bận xếp hành lý và tiếp các bạn đến tiễn chân, mãi khuya mới đi ngủ. Vừa chợp mắt được một lúc thì tôi đã nghe chuông đồng hồ đánh thức. Chúng tôi đều dậy, còn vừa đủ thì-giờ để mặc quần áo và đi xe tay ra phòng giấy của hãng « Air France » ở phố Tràng-tiền. Theo lời hẹn, tôi phải có mặt tại đấy trước 5 giờ ruỡi. Xe đỗ, tôi lấy làm ngạc-nhiên và lo vì không thấy một ai, cửa phòng giấy còn đóng. Có lẽ chúng tôi đã đến chậm. Giơ tay nhìn đồng hồ thấy 4 giờ 35 ; lúc ấy mới yên dạ. Thì ra tối hôm trước, tôi đã để đồng-hồ đánh thức sớm đi 1 giờ, lúc thức dậy ai cũng yên trí nên không nhìn lại đồng-hồ. Tôi sợ các anh em cùng ở chung một nhà đều đi tiễn chân lúc ấy cười tôi có cái tính như anh chàng đi ăn tiệc đến sớm quá vì háu ăn, nên không dám nói.

Chúng tôi đứng đợi, em tôi đi mua được một mẩu bánh mì nhét vào túi tôi vì sợ tôi sẽ đói. Độ nửa giờ sau, dần dần những người giúp việc hãng đến mở cửa và làm việc ; các hành khách lần lượt đến. Chiếc ô-tô ca đồ-sộ đến đậu ở cửa phòng giấy hãng thì đồng hồ chỉ đúng 5 giờ 20. Một lát, chúng tôi lên chiếc xe ấy để xuống trường bay Bạch-mai. Những người đi tiễn chân đều ở lại đấy ; duy có em tôi một mình đi xe tay theo xuống tận trường bay.

Độ 6 giờ, ô-tô đến trường bay Bạch-mai, chúng tôi vào trong một cái nhà làm theo kiểu hangar nhưng có ngăn ra làm nhiều buồng. Chỗ để hành khách ngồi đợi, chỗ làm buồng giấy của hãng, chỗ để cân, chỗ làm buồng giấy của các nhân-viên sở Liêm-phóng và Thương-chánh.

Chúng tôi ngồi đợi độ mươi phút, cu-li đã mang hết các hành-lý của các hành-khách, phần nhiều đựng trong valises da, xếp thành một hàng trên một chiếc ghế dài. Người ta lần lượt gọi cân hành lý và cân cả hành-khách nữa. Cần phải cân cả hành-khách để biết số cân mà tàu bay hôm ấy phải chở và xếp cho thăng-bằng. Người ta không thể kể từng đầu người vì có người cân chưa đến 40 kg mà cũng có người cân ngót 100 kg. Cân xong, tôi đưa trình giấy căn cước cho một nhân viên sở Liêm-phóng, rồi ra đứng ngoài hiên nói chuyện với em tôi cũng vừa đi xe tay xuống. Anh em chúng tôi cùng ngồi trên chiếc ghế dài trông ra sân bay. Sân rộng mênh-mông, thỉnh-thoảng một hảo gió lướt qua làm rung-động « tấm thảm cỏ » trông như một cái mặt hồ hơi gợn sóng. Chúng tôi ngồi im nhìn những chiếc tàu bay nhà binh đua nhau bay lên hay hạ xuống, hoặc nói với nhau những câu chuyện rời-rạc. Thì ra tôi cũng như em tôi, lúc ấy có thì giờ nhàn rỗi mới nghĩ đến sự biệt-ly. Riêng tôi chỉ trong vài giờ nữa sẽ được vui-vẻ sum-vầy trong cảnh tiểu gia-đình, nhưng lòng vẫn nao-nao và cảm thấy một nỗi buồn man mác, vì đàn nhạn sắp tạm phải chia hàng. Nhìn sang bên cạnh các bạn đồng hành người Pháp, đương cùng nhau đi đi lại lại cười nói vui vẻ.

Sáu giờ hai mươi nhăm, chúng tôi được gọi lên tàu. Chỉ các hành khách mà người ta đã phát trước một tấm « carte » mới được ra sân. Bước lên tàu, anh Xuân-Điện giúp việc cho hãng chỉ chỗ cho ngồi. Người ta đã xếp-đặt trước, như trong một bàn tiệc, mỗi chỗ ngồi có đặt sẵn một tấm carte có tên, nên không có sự chọn lựa hay tranh giành nhau chỗ ngồi tốt

kấu. Ngồi vào ghế, ngẩng lên nhìn cái gác để hành lý trên cửa kính tôi đã thấy cái cặp da của tôi để trên từ trước. Lúc ấy tôi mới sực nghĩ ra rằng từ lúc đến phòng giấy ở phố Tràng-tiền đến lúc này, tôi không phải bận đến đồ hành-lý. Các việc chuyên-chở xếp-đặt và biên tên đều do những nhân-viên giúp việc hãng lo cả. Chúng tôi vừa ngồi yên chỗ, ba động cơ lần lượt quay. Nhìn qua cửa kính, thấy em tôi đứng cạnh một người bạn giúp việc sở Thiên-văn. Họ nhìn và vẫy tôi. Nhưng tôi không vẫy lại vì tôi biết họ không thể nhìn thấy tôi trong tàu được.

Anh Xuân-Điện đem phát cho hành-khách mỗi người một ít bông trắng để thút nút tai. Tiếng máy rú mạnh, tàu từ từ chuyển-động và bò trên sân như một chiếc ô-tô. Tốc-lực mỗi lúc một nhanh, bỗng tôi thấy tàu ngồi rất êm vì bánh xe không thấy lệt-sệt lăn trên đất, tôi biết lúc ấy tàu đã bắt đầu ở trên không. Nhìn lại, nhà cửa, ruộng, đường đều thấy quay lộn, trông như những mảnh giấy trong cơn gió lốc: Ấy là lúc tàu liệng quanh. Lúc tàu bay thẳng, cảnh vật đằng sau từ từ đi lùi lại và nhỏ dần. Khi không thấy sân tàu bay, tôi mới ngồi hẳn xuống ghế. Anh Xuân Điện lúc ấy đi mở các ống lấy gió cho mát.

Chuyến tàu ấy tất cả có 13 hành khách, trong số ấy có hai người Nam. Mọi người đều chăm-chú nhìn qua cửa kính để ngắm phong-cảnh. Ánh nắng buổi sáng của mặt trời lòe chiếu lên cảnh-vật. Nhìn vũ trụ, ta cảm thấy như nhuộm một màu tươi sáng. Dưới đất, những ruộng nước trông vừa to bằng chiếc chiếu, liên-tiếp nhau, ta có thể tưởng tượng cái cảnh đồng bát-ngát của miền hạ lưu xứ Bắc-kỳ là một cái sân gạch không lồ. Thỉnh-thoảng một con đường hay một con sông ngòng ngoèo chạy qua, trông chỉ như những vết rạn vỡ hay nứt nẻ của mặt đất. Đó đây, một vài làng xóm ẩn hiện dưới ngọn cây xanh, nhô lên giữa cảnh đồng nước, trông như những cù lao ngoài bể.

Tàu bay rất êm, nhiều lúc tôi cứ tưởng là tàu vẫn ở một chỗ hay là bay rất chậm. Mỗi khi tàu bay xuyên qua, hay xát lên một đám mây, ta nhìn như mây chạy vụt rất nhanh lại đằng sau, bấy giờ mới hiểu được tốc-lực tàu. Cửa đóng kín cả, nên tiếng động-cơ cũng không lấy gì làm to và cũng không làm mình khó chịu. Hai người ngồi nói chuyện với nhau vẫn nghe được dễ dàng.

(Còn nữa)

VŨ-NHẬT

Sách mới

TRIẾT HỌC **NIETZSCHE**
của Nguyễn đình Thi giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành

TRIẾT HỌC KANT
156 trang — giá 1$50
VÀNG SAO *của Chế lan Viên*
trong « Tủ sách đẹp » giá 2$50
Nhà xuất bản VĂN VIỆT
49, Takou — Hanoi

RẺ! HAY! ĐẸP!
đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã
Alexandre de Rhodes
Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được:

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho
Nhà in MAI-LINH — Hanoi
Tổng phát - hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM - VÂN - KIỀU
Theo bản Phá văn của ông Nguyễn văn-Vĩnh 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà
Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54)
Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)

LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
Một bài khảo cứu có giá trị của ông Lê-văn-Nựu đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang)
Loại thường bán có . . 0$50 (cước 0$32)
Loại đặc biệt (còn một cuốn) 4$00 (cước 0$47)

Sắp xuất bản

Thơ Ngụ - Ngôn
La Fontaine
Pháp-văn và bản dịch của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của Mạnh-Quỳnh
(150 trang) khổ to 17×23
Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40)
Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

SỐ 52

Ứng hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM-VÂN-KIỀU (bài nối)

Ở hồi « Kiều thất thân với Mã-giám-sinh » câu 865 :

Đánh liều *âu cũng* rạng *dần* (chép theo *Đoạn-trường tân-thanh*, kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu, tờ 22 b), phường-bản chép là : « Nỗi mình *âu cũng* giãn *dần* ».

Tiếng gà nghe đã gáy sôi *mái tường*. Phường-bản chép là « gáy *thôi* », nghĩa là gáy một thôi, một hồi.

Đoạn-trường thay, lúc lâm-*kỳ !* Phường-bản chép là « *phân*-kỳ ».

Vương-ông gánh *tiệc tiễn-hành đưa theo*. Quan-van-đường và *Kim Vân Kiều truyện chú* chép là « *mở* tiệc » ; bản quốc ngữ của ông Ngnyễn văn Vĩnh in là « *bày* tiệc ».

Ngoài nhà *chủ khách dập dìu*,
Trong *nhà huyên với một Kiều ở trong*. Các bản chép là : « Ngoài *thì* chủ khách dập-dìu », *Một* nhà huyên với một Kiều ở trong ».

Càng nhìn càng ứa *giọt hồng*. Các bản chép là : « *Nhìn càng lã-chã* giọt hồng ».

Sống nhờ đất khách chết *chôn quê người*. Ông Vĩnh chép là « *thác* chôn quê người ».

Mái ngoài, nghĩ *đã giục liền ruổi* đi. Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « ruổi *xe* » ; ông Vĩnh chép là « Mái ngoài, *nghe* đã giục liền ruổi *xe* ». Chữ *nghĩ* này là tiếng của Nghệ-Tĩnh, như tiếng « nó », tiếng « hắn » ở ngoài Bắc ta, nên cụ Kiều-oánh-Mậu viết « nhân » bằng chữ « nghi », thì người đọc hiểu ngay ; các bản nôm khác viết « thủ » bằng chữ « nghi » : chữ nghi ấy nghĩa là nghĩ-ngợi.

Xót con lòng nặng chì-chì. Quyển chú-thích viết là « *bệ bề* », ông Vĩnh viết là « *chề-chề* ».

Cực *nhà đến nỗi* chọn *vào tôi người*. Quan-văn-đường chép là « *gửi* vào tôi người » ; quyển chú-thích chép là « *Rất* nhà đến nỗi *chen* vào tôi người » ; ông Vĩnh chép là « *Rớp* nhà đến nỗi *mắc* vào tôi người ». Chữ thứ năm ở câu này, bản nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu viết chấm thủy bằng chữ trấn, tôi lấy ý đọc là chữ *chẹn*, không dám chắc có đúng không.

Mai sau *dầu đến thế nào*. Ông Vĩnh chép là : « Mai *sao* dầu đến thế nào ».

Kìa gương *nhật nguyệt nọ dao quỉ thần*. Quyển chú-thích viết là « Kìa *gươm* ».

Đùng đùng gió giục *mây* vần. Các bản chép là « mây *Tần* ».

Trông vời gạt lệ chia *tay*. Các bản chép là « *nhàn* tay ».

Gốc trời thăm-thẳm, đêm *ngày đăm đăm*. Các bản chép là : « *ngày ngày* đăm đăm ».

Nàng thì dặm *khách xa xăm*. Các bản chép là « *cõi* khách ».

Bạc phau *cầu giá, đen rầm ngàn mây*.

Ông Vĩnh chép là « Bạc *thau* ». *Bạc phau* đối với *đen rầm*, nghĩa là trông vảng nước trắng phau-phau ; nếu dùng chữ *bạc thau* thì sai nghĩa.

Vi lau *xan-xát hơi may*.

Ông Vĩnh đọc là « Vi-*lô* ». Chữ *lư* nhhĩa là lau : đã là nôm thì nên dùng chữ *lau*, cho người ta biết là cỏ vi cỏ lau ; vả lại các bản nôm viết thảo đầu chữ lao, thì không thể đọc là *lô* được, phải đọc là *lau*.

Rừng *thu* rỗ *biếc ố hồng*.

Quan-văn-đường chép là « Rừng thu *từng* biếc *ô* hồng » ; quyển chú-thích chép là « *Lầu* thu *từng* biếc *xen* hồng » ; ông Vĩnh chép là « *Rừng* thu từng biếc xen hồng ». Cụ Kiều-oánh-Mậu cắt nghĩa « *rỗ* biếc ở kinh-bản là lốm-đốm biếc như nốt người lên đậu, *ố* hồng là sắc đỏ lan khắp một chòm, hóa ra sắc hơi vàng ».

Nghe chim như nhắc tấm lòng thành hôn.

Kim Vân Kiều truyện chú, bản sao của Bác-cổ, số A B 233, tờ 69 b, dẫn một đoạn trong Thanh-tâm tài-nhân như sau : « Đi đến địa-phận Lâm-thanh, Kiều hỏi phu xe : « Đây là chỗ nào ? » Phu xe nói : « Đây là địa-phận Lâm-thanh ». Kiều lại hỏi : « Đến nhà rồi chứ ? » Phu xe đáp : « Còn đi độ vài ngày nữa, không xa đâu ». Kiều than rằng : « Quả nhiên không ngoài những điều ta đã liệu. Trên đường thấy cảnh thương tình, nước mắt khô, hơi thở ngắn, Kiều ngâm một bài thơ tứ tuyệt để ghi lòng sầu oán. Thơ rằng « Đường quan-sơn gập-ghềnh nhìn chẳng tỏ, dấu

thần người lãng-mạn như dấu bẻo trôi giạt không nỡ nói. Chỉ có tình-si xem ra chẳng đi, như mây nổi, như giăng treo, đầy khắp núi sông ».

Thoạt *trông* nhờn-nhợt *màu da*. Phường-bản chép là « *lờn-lợt* »; ông Vĩnh chép là « *Thoắt* trông lờn-lợt màu da ».

Trước xe bả-lả *han chào*. Quan-văn-đường chép là « *lôi lả* »; quyển chú-thích viết là « Trước xe *mừng rỡ* han chào »; ông Vĩnh chép là « Trước xe *lơi-ta* han chào ».

Hương hoa hôm sớm phụng thờ. Các bản chép là : « *Hương hôm hoa sớm* phụng thờ ».

Cỗi xiêm lột áo chán-chường. Ông Vĩnh chép là « lột áo sổ-sàng ».

Trước bàn, *sẽ nguyện mảnh hương lầm-rầm*. Các bản chép là : « Trước *thần* ».

Bướm đi ong lại *ầm-ầm tứ vi*. Các bản chép là : « Bướm *ong bay lại* ầm-ầm tứ vi ».

Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu.

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Ngạn-ngữ tàu có câu : « Chiêu chiêu hàn-thực, dạ dạ nguyên-tiêu », nghĩa là ngày nào cũng như tết hàn-thực (sau đông-chí 105 ngày), đêm nào cũng như tết nguyên-tiêu (đêm rằm tháng giêng). Cụ Nguyễn-Du đặt : « Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu » là vì ép vần, hoặc có lối đặt như thế để hiểu ý thôi ». (*Đoạn-trường tân thanh*, tờ 24b).

Tin nhạn vượt, *lá thơ* bầy. Các bản chép là : « Tin nhạn *vẫn*, lá thơ *bài* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu thích nghĩa rằng : « Nhạn tín việt chí, thi điệp tiền trần, đa nhân chi giả », nghĩa là phong thư nhạn ở xa vượt đến, lá thơ bầy trước mặt, ý nói nhiều người đến ». Như thế thì phải đọc là : « Tin nhạn *vượt*, lá thơ *bầy* ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoản các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

2, Rue Strasbourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

LƯỢC TRÍCH MỘT VÀI LỜI BÌNH PHẨM QUYỂN

Thi-Nhân Việt-Nam

(1932 - 1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

Trong số hơn 40 nhà thơ, trên phần nửa đều là người đường trong (Trung-kỳ). Ô lạ ! cái xứ gì cũng thua sút người ta — kể cả việc thi xe đạp — ai ngờ lại đẻ ra làm thi-nhân thế vậy ! (TẢY-CHÍ, Tin mới).

Trong đoàn thể bọn làm thơ Việt nam, tôi chắc ai cũng vui mừng mà thấy được sum vầy trong một quán thơ và nghe những lời giới thiệu sáng suốt của đôi Hoài trước khi cùng nhau ngâm vịnh. Lời chân thành và thân mật của hai ông có một giọng hồn hậu khiến lòng người hớn hở và những khuynh hướng khác nhau trong lòng thơ cũng nhìn nhau đôi mắt tươi cười

Chắc hẳn tập « THI NHÂN VIỆT NAM » cũng gây nên nhiều sự hiềm nghi trong nhiều người ; nhưng tôi cũng chắc rằng hai ông sẽ coi những lời không công minh là những hơi gió thoảng (THẾ LỮ).

« THI NHÂN VIỆT NAM » là quyển sách có giá trị nhất và viết công phu nhất trong năm vừa qua (LÊ TRÀNG KIỀU).

Hai tiên sinh đã có nhã ý đối với hết thảy các thi sĩ và có nhiệt thành đối với nền thi ca nước nhà. Một điều đó đã đủ cho người đọc quyển « THI NHÂN VIỆT NAM » đẹp lòng ích kỷ, đẹp tính ghen tị mà nghiêng mình kính phục (ĐÔNG HỒ).

Đầu tháng Janvier sẽ có bán :

THI-NHÂN VIỆT-NAM

in lần thứ hai muốn xem nhiều lời bình phẩm khác,

Xin hỏi prospectus ở : M. Nguyễn đức Phiên, Boite postale 34 Huế

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÌ

Số 4

NGUYỄN HUY TƯỞNG viết

QUYNH Hoa định tâu, nhưng bắt gặp mắt sắc của Đặng phi, nàng lại cúi đầu, tự biết uy quyền của mình không sao chống được với cái uy quyền chúa tể kia.

Nguyễn Mại nói nhỏ với các bạn :

Người đẹp thế kia làm gì mà chẳng gây vạ. Làm gì mà thằng Đặng Lân chẳng hoành hành !

Chúa Tĩnh vương sau khi vào tham hàng con gái, cùng Đặng phi xem suốt đám hội, mua hoa quả, bánh trái, ăn uống như một người thường. Chúa lấy làm khoan khoái pà lân la cho mãi đến gà gáy mới trở về thuyền. Chèo quế lại khơi sóng Long trì, trong khi nhã nhạc tấu vang lừng, xen lẫn tiếng gà kết liễu hội Trung thu.

II

Thấy chúa đòi Nguyễn Mại, mọi người đều sửng sốt. Bấy giờ mới tỉnh sương. Bảo Kim cùng Trần Thành, Lưu Sĩ Trực và Nguyễn Mại đang ngồi uống chà nói chuyện bên đình trầm thơm.

Nguyễn Mại thản nhiên, chàng lầm bầm :

Chắc là việc hôm qua. « Cậu Trời » đã tọa hạt với chúa, và chúa đòi ta vào để hỏi tội chứ gì. Thôi cứ đi.

Bảo Kim mặt thất sắc, hỏi người thị vệ :

Bác có biết chúa đòi gì không ?

Đáp : Tôi cũng không biết. Có lệnh thì tôi đi, thế thôi.

Nguyễn Mại bước xuống thềm, theo người thị vệ từ biệt Trần Thành, Lưu sĩ Trực và Bảo Kim.

Bảo Kim nói :

Khi nào chúa cho ra thì anh lại ngay báo tin cho tôi biết nhé. Bực nhất là không hiểu việc gì cả.

Mại cười đáp :

— Có lẽ việc hôm qua. Nhưng dẫu chết mà nói rõ cho chúa những cái lộng hành của thằng Đặng Lân thì cũng hả.

Bảo Kim nói :

— Tôi mong rằng không phải vì việc náo động ở Long trì mà chúa gọi anh. Chứ nếu thực thì...

— Thì nguy, phải không ?

Vì Tuyên phi thì quá nuông em, Đặng Lân muốn gì, bà cũng xin chúa cho bằng được. Chúa chưa từ chối bà việc gì bao giờ.

— Chú không phải lo cho tôi. Tôi tự có cách khu xử.

Trần Thành nói :

— Vả không có lẽ vì một chuyện nhỏ ấy mà chúa làm tội anh. Công lao « hãn mã » để đâu ?

Bảo Kim tắc lưỡi, nói :

Anh thực thà lắm. Anh chẳng thấy chán vạn người công thần chỉ vì một tội nhỏ mà chết cả đấy ư ? Vua chúa có luận công bao giờ ?

Nguyễn Mại nói :

— Các chú lôi thôi lắm. Để tôi đi.

Bảo Kim dùng dằng :

— Em hầu chè mẫu thân xong rồi cũng sang phủ chúa xem sao.

Nguyễn Mại dặn :

— Đừng làm kinh động bà nhé.

Nói xong bước ra sân và đi thẳng.

Nguyễn Mại với Bảo Kim, là chỗ quen biết từ lâu. Hai cụ thân sinh ra hai chàng là chỗ bạn đồng khoa và hai chàng là bạn đồng song. Chẳng may Nguyễn Mại, bố mất sớm, nhà lại nghèo, nên phải thôi học. Vốn có sức hơn người, chàng khẳng khái đầu quân dự cuộc Nam phạt. Mẹ chàng, vợ chàng không bằng lòng việc ấy. Mà quan Thị lang, thân phụ Bảo Kim, cũng khuyên chàng bỏ cái ý định ấy đi, và hứa sẽ nuôi cho ăn đi học. Nhưng Mại quả quyết vào Nam, và chỉ trong có mấy tháng, chàng đã lừng lẫy trong Nam ngoài Bắc. Từ chân linh trơn, chàng đã lần lượt qua hết các ngạch nhà binh và sau bốn năm, nhảy lên hàng tướng giỏi của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, bậc danh tướng thời bây giờ. Chàng được chúa Trịnh rất chú ý, nhất là vì chàng còn trẻ tuổi.

Trận đánh ở Phú xuân, chàng đã lập công đầu. Sau khi kinh đô chúa Nguyễn thất thủ, Hoàng Ngũ Phúc dâng biểu báo tiệp và sai chàng đem sổ quân công về nộp luôn thể. Về tới kinh, sau khi làm trọn công việc ủy thác của chủ tướng, chàng được tòa Chưởng phủ báo tin cho rằng, nhân dịp tết Trung thu, chúa vì quá yêu tài chàng, ban cho chàng cái đặc ân được vào dự buổi dạ hội ở Long trì. Chàng vui sướng vô cùng, vì đó là một cái ân hãn hữu.

Nhưng cái vui nhất của chàng là đã được gặp bạn Bảo Kim, tuy họ đã gặp nhau trong một trường hợp bực tức. Sau đó thì chàng về nghỉ ở nhà Bảo Kim...

Đương khi chinh chiến trong Nam, ba năm trước, chàng đã được tin quan Thị lang quá cố. Chàng biết Bảo Kim là một trang phong lưu công tử, sinh trưởng ở một nhà thế tộc tràm anh, sung sướng hơn chàng nhiều. Vậy mà chàng vẫn ái ngại cho bạn, vì chàng coi Bảo Kim như một người nhu nhược cần phải có nhiều người che chở. Khi biết tin tang biến của bạn, chàng lấy làm áy náy, hối hận không được gần bạn để an ủi và nâng đỡ Bảo Kim. Tuy ở xa, mà lúc nào chàng cũng chăm chú để ý đến người bạn thân ở chốn kinh hoa.

Thư từ của Bảo Kim và các tin

tức ngoài Bắc làm cho chàng rất yên tâm và vui mừng. Chàng biết rằng Bảo Kim đã chịu khó cham học và đã nổi tiếng văn chương. Tuy Nguyễn Mại là người trọng thực tế, không thích hư văn và những người mơ mộng, nhưng chàng lại rất rộng lượng về đường ấy với Bảo Kim. Chàng lấy làm sung sướng mỗi khi nhận được thơ của bạn, thường có kèm theo cả những bài thơ, bài phú, lời lẽ rất thiết tha và trang nhã. Thỉnh thoảng lúc việc binh rỗi rãi, chàng thường, mời mấy người bạn sang trại mình uống rượu, và khi đã ngà ngà say, chàng thường đứng dậy, cầm kiếm gõ dịp, cất tiếng hào hùng mà ngâm thơ phú của người bạn phương xa. Những buổi ấy là những buổi vui nhất trong đời chiến sĩ của chàng, sau những buổi vui say sưa vì công hãm quân địch hay những buổi một mình một ngựa tung hoành phá vỡ vòng vây.

Nguyễn Thị lang phu nhân rất yêu Nguyễn Mại, tình yêu này do ở lòng thương mà ra. Thương vì chàng nghèo khổ từ thuở bé. Trong suốt thời kỳ chàng chinh chiến trong Nam, cụ lo ngay ngáy như một người mẹ. Thấy chàng trở về trông gân guốc và uy phong, cụ hớn hở vui mừng bảo chàng :

Bác trai khi trước cứ gàn cháu, bác cũng lấy làm lo. Nếu cháu nghe hai bác thì đâu được có ngày nay ? Thôi, cũng bỏ cho cụ nhà và chị ấy bốn năm đằng đẵng những lo cùng sợ. Nay về đây, chúa thượng chưa có lệnh, hãy ở đây với bác và em, may ra được về quê thăm nhà cũng không biết chừng. Thằng Dũng bây giờ lên mấy nhỉ ?

Mại thưa :

— Thưa bác, cháu cũng không nhớ.

Phu nhân và mọi người cười ồ lên. Cụ nói :

— Bố thế thì đem ra đánh cho chết đi. Khi cháu đi, thằng Dũng lên một, thì nam nay nó lên nam chứ gì ! Sau này cho nó theo học võ, chứ học văn như chú Kim, trói gà không nổi thì chỉ hại cơm nước Triều đình. Nhưng thôi để bác sửa một bữa rượu mừng cháu, nhân tiện cho mời các bạn Kim đến chơi cho thật đông đủ, bõ lúc chau một mình một bóng ở tận chân trời.

Và ngay sang hôm sau, trong biệt thự của quan cố Nguyễn Thị lang, một bữa tiệc linh đình đã đặt để thết Nguyễn Mại. Ngoài Bảo Kim ra người ta còn nhận thấy trong bữa tiệc ấy sáu người đàn cùng đi chơi với Bảo Kim buổi dạ hội ở Long trì...

Nguyễn Mại đi rồi thì phu nhân vừa dậy. Sau khi nghe Bảo Kim thuật rõ câu chuyện, phu nhân giậm chân nói :

— Thế có khổ cho anh ấy không ? Mẹ đã bảo các con không nên giây đến đám Đặng Tuyên phi. Sao các con cứ lôi thôi.

Bảo Kim vừa pha chè hầu mẹ, vừa thưa :

— Thưa mẹ, thực ra chúng con có muốn lôi thôi đâu, nhưng nó làm quá lắm !

— Đến quan đại thần nó còn không kiêng nể, huống chi là mình. Chị đã thôi, em du côn, thế mà chúa tin được !... Thấy nó thì tránh đi có được không, bây giờ thì làm thế nào ?

— Thưa mẹ, chốc nữa con đi ra sao. Vả, thưa mẹ, đó chỉ là đoán phỏng đấy thôi, chứ đã biết chúa đòi anh Mại vào việc gì ? Nghe đâu chúa vẫn khen anh Mại là trí dũng song toàn. Ngài vẫn muốn xem mặt anh Mại, vì anh là người trẻ nhất trong hàng tướng tá của ngài. Biết đâu ngài lại không triệu anh Mại vào để ban khen ?

— Được thế thì hay lắm, nhưng chắc gì ! Chúa bao giờ lại thèm tiếp một tên tỳ tướng. Chắc con đĩ họ Đặng nó ton hót cái gì, nên mới có lệnh đòi anh ấy chứ. Chán quá, có làm sao thì thực là khổ cho bà cụ và chị Mại, nhất là đứa con thơ.

Cụ nhấp chén nước, rồi tiếp :

— Nghĩ mà thương hại anh ấy. Khổ từ bé, đến bây giờ chưa hết khổ hay sao ? Thực là số vất vả.

Trong khi ấy thì Nguyễn Mại đang dẫn bước theo người thị vệ cầm đèn lồng đi trước. Tới cổng phủ chúa, trời đã lờ mờ sáng. Người thị vệ vào trước. Một lúc lâu, một người nội giám đi ra, cúi đầu chào lễ, rồi nói :

— Tướng quân theo tôi.

Nguyễn Mại lẳng lặng theo vào. Chàng có cái cảm giác như một con chim sẻ lạc vào một nơi xa lạ và vĩ đại. Chàng bỡ ngỡ trước những lầu đài tráng lệ và quy mô hùng vĩ của phủ chúa. Càng vào càng thấy huy hoàng. Nguyễn Mại tự cảm thấy mình nhỏ bé.

Trong bốn năm chinh chiến, chàng đã luyện lòng tự chủ. Vậy mà trước cái cảnh uy nghiêm tôn kính này, chàng cũng thấy rợn người.

Có tiếng ở trong sáng sảng truyền ra :

Cho vào.

Chàng theo người nội giám. Bước lên thềm, qua cánh cửa chạm rồng, qua chiếc bình phong nhỏn, Nguyễn Mại vào một gian phòng rộng và sâu, cột cao và cùng vơi sàn, đều sơn đỏ tía. Câu đối nét vàng rực rỡ. Giữa nhà có treo một cái đèn rất to, lồng trong một cái khung bát giác sơn son thếp vàng và có tua rủ xuống. Đèn hãy còn thắp. Trong cùng, treo trên tường một bức thêu « Tô Vũ mục dương » trước có kê một chiếc sập lớn. Trên sập hai bên rải đệm vóc, giữa bầy chiếc kỷ. Một vị ngồi trên sập, lưng tựa vào chồng gối xếp, Nguyễn Mại nhận ngay ra là Tĩnh vương Trịnh Sâm mà chàng nhận được mặt trong đêm hội Long trì. Xát vào sập có kê một chiếc ghế lớn một vị đại thần ngồi.

Nguyễn Mại tiến đến chỗ treo đèn. Chàng phủ phục và hô :

— Thiên tuế !

Và chàng nằm rạp xuống chờ lệnh. Một lúc lâu Tĩnh vương phán :

(còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

Nguyễn Du

VA

Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tản Đà, Yên Đỗ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Khoáng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3$50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12$ đến 50$: ai muốn mua hỏi:

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Phap

1p.00 một vé

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p.25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3p.50

4·) *Phật lục*. Trần-trọng-Kim, 0p.80

5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1p.50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐAO SỐNG *sách thường 2$00* *sách đẹp 4$00*

« J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judic eusement présentés de chacune de ses doctrines. Je vous félicite... »

P. DELSALLE

Resident Supérieur au TONKIN

Những sách như sách Đao Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

sách thường 1$50 *sách đẹp 3$00*

A la fois sinologue et artiste, Ng. x. Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émus des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il soit parler à l'imagination autant qu'à l'esprit, parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

...La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyen-van-Tố

THI THOẠI

Dày non 800 trang giá 2p.

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê-văn-Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

Đã xuất-bản quyển I

Giá bán: 0$80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0$30 cho Nhà xuất-bản TÂN-DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Tri-Tân — 70, Bach-Mai Hanoi